



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019





VỀ CHÚNG TÔI

Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo quyết định của Tổng cục Hóa Chất Việt Nam. Sự phát triển của Công ty gắn liền với các giai đoạn phát triển của đất nước từ khi thống nhất đến nay. Trong suốt chặng đường hơn 43 năm hình thành và phát triển, Công ty không ngừng phấn đấu và đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, cũng như xuất khẩu nước ngoài với các sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý. Chúng tôi tự hào là một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam, đáp ứng nhu cầu cho nhiều ngành công nghiệp khác và nền kinh tế nói chung, đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng toàn diện của đất nước.





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	07
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	39
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	75
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	93
QUẢN TRỊ CÔNG TY	107
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	123
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019	145





01

THÔNG TIN CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Tên Tiếng anh	SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	CSV
Vốn điều lệ	442.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	935.747.422.440 đồng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/09/2003, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2019

Trụ sở chính	Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại	(028) 3829 6620
Fax	(028) 3824 3166
Website	www.sochemvn.com
Email	sbcc@sochemvn.com



Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành
1	Sản xuất hóa chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất. (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại thành phố Hồ Chí Minh)
2	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
3	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở)
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.
6	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh)
7	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.



Ngành nghề kinh doanh có liên quan

STT	Tên ngành
1	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở); - Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực-trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)
2	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực-trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.
4	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất.
6	Sửa chữa và bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Chi tiết: Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại; Sửa chữa và bảo dưỡng đường ống; Sửa chữa hàn cơ động)
7	Sửa chữa máy móc và thiết bị (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị công nghiệp: sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan; sửa chữa van; sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe)
8	Sửa chữa thiết bị điện (Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt; sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi; sửa chữa và bảo dưỡng các rơ le và bộ điều khiển công nghiệp; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện)
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất)
10	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng (Chi tiết: Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác)



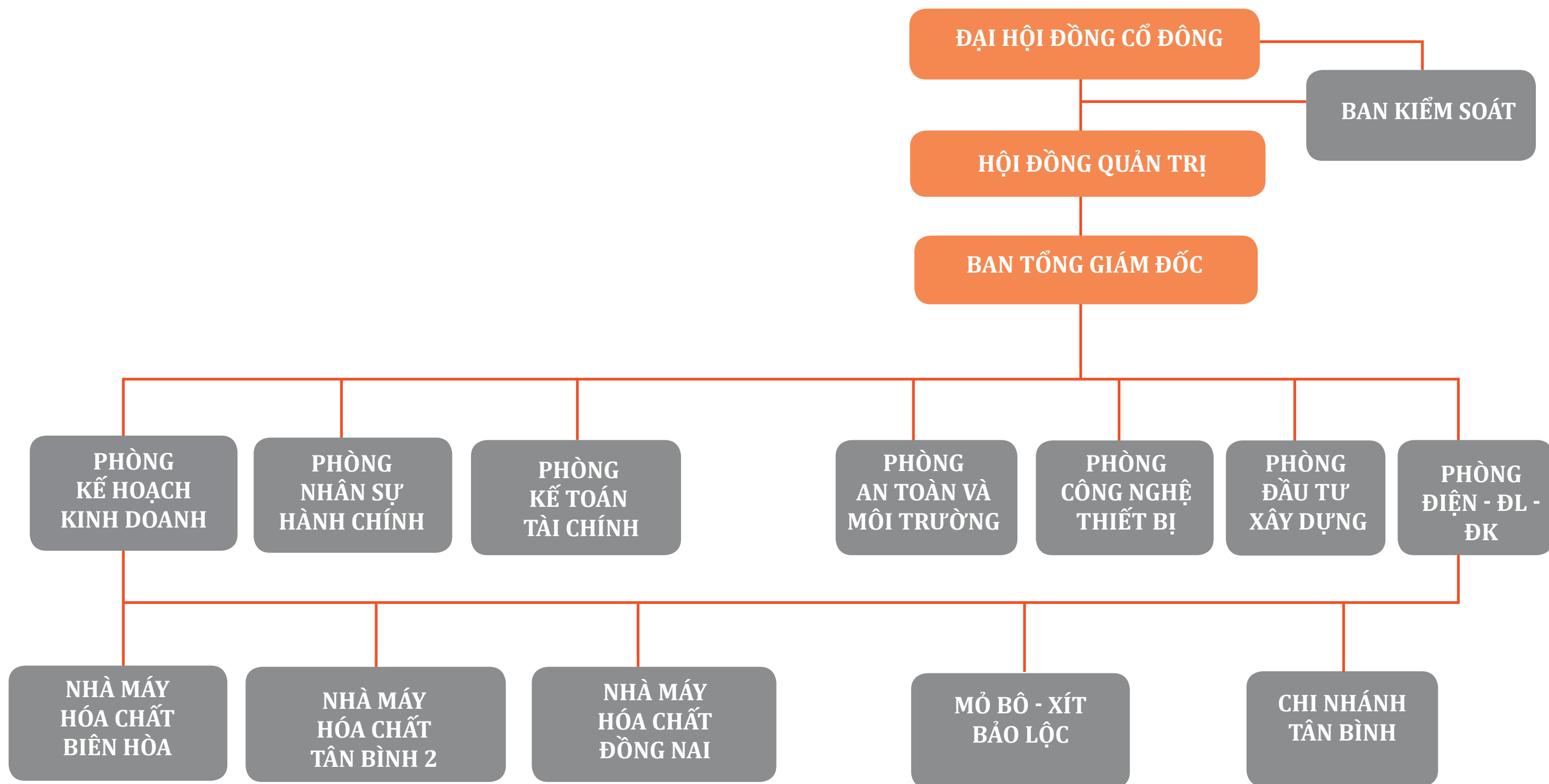
Các sản phẩm tiêu biểu

Tên sản phẩm	Công dụng chính
Xút (NaOH)	Lọc nước, giấy và bột giấy, dệt nhuộm, xà phòng
Axit sunfuric (H ₂ SO ₄)	Ắc quy và pin, phân bón, phèn nhôm
Axit clohydric (HCl)	Sản xuất mì chính, tẩy mạ thép
Axit Photphoric (H ₃ PO ₄)	Phân bón
PAC	Xử lý nước

Địa bàn kinh doanh

Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh với đa dạng các loại sản phẩm hóa chất cơ bản. Hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.







MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty con

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

Địa chỉ: KCN Công nghiệp Tăng Loỏng, Thị trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Tỷ lệ góp vốn: 65,05%

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng



Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Mỏ Bauxit Bảo Lộc	62 Lý Thường Kiệt, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Chi nhánh Tân Bình	46/6 Phan Huy Ích, Tân Bình, TP.HCM



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1976 - 1985

KHỞI ĐẦU

Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hóa Chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa Chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa Chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa Chất Thủ Đức.

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu sản xuất và phát triển, Công ty thành lập thêm một số đơn vị như: Mỏ Bauxit Bảo Lộc, Xưởng Nghiên cứu Thực Nghiệm và Xưởng Cơ Điện.

1986 - 2005

CHUYỂN MÌNH

Chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam do Trọng tài kinh tế TP.HCM cấp ngày 05/03/1993.

Lần đầu tiên Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận kinh doanh vào ngày 24/3/2003. Đây là tiền đề cho bước ngoặt thay đổi sang hình thức hoạt động một thành viên của Công ty với tên gọi chính thức là Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.

2006 - 2013

HOÀN THIỆN

Thành lập Nhà Máy Hóa Chất Tân Bình 2 năm 2009.

Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.

2014 - nay

PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH

Ngày 01/01/2014, công ty chính thức hoạt động với tên gọi Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Từ sau cổ phần hoá Công ty bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Đây là thời gian Công ty nhanh chóng đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị mới, mở rộng nhà máy nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo khi kinh tế đất nước hội nhập sâu rộng, phát huy hết công suất đáp ứng nhu cầu thị trường.

Đến nay, Công ty đã trải qua 10 lần đăng ký thay đổi, vốn điều lệ thay đổi từ ban đầu là 61 tỷ đồng tăng lên 442 tỷ đồng (năm 2014).



CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT

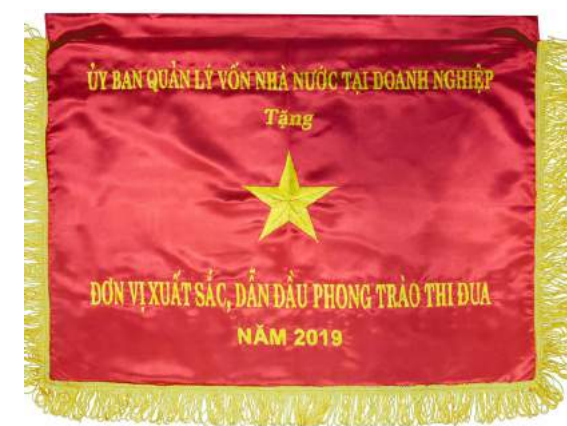
Các giải thưởng tiêu biểu

- 2000: Huân chương lao động hạng 3
- 2004: Huân chương lao động hạng 2
- 2016: Huân chương lao động hạng 1
- 2015: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ
- 2016: Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- 2017: Bằng khen của Bộ Công thương
- 2017: Chứng nhận Doanh nghiệp vì Người lao động
- 2018: Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- 2019: Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước



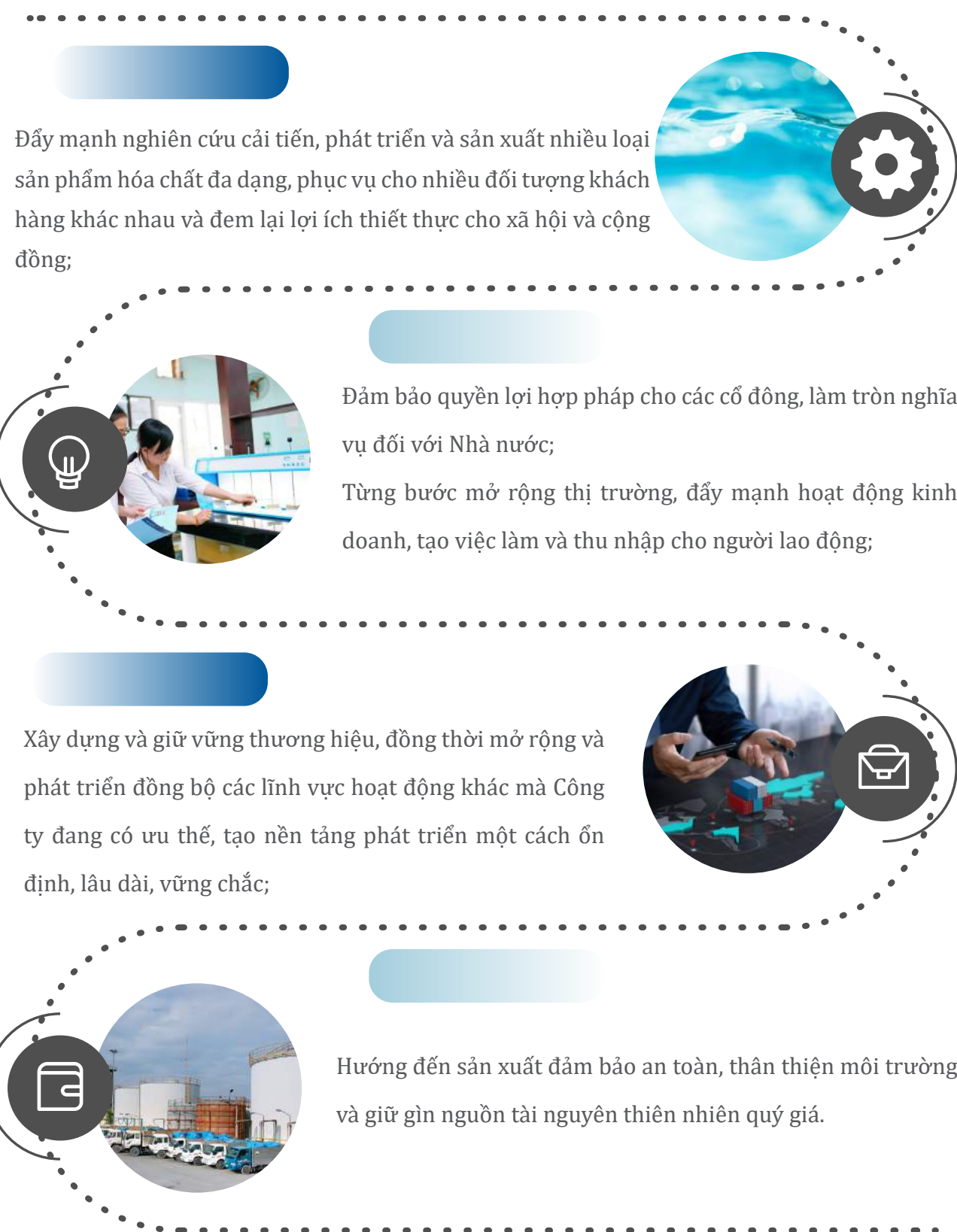
Các chứng chỉ được công nhận

- **Top 50** thương hiệu vì môi trường năm 2015
- **Top 10** thương hiệu uy tín ngành Hóa chất Việt Nam năm 2016 do người tiêu dùng bình chọn (nhóm ngành hóa chất cơ bản)
- **Top 50** thương hiệu vì môi trường xanh quốc gia năm 2016
- Chứng nhận Nhãn hiệu được tin cậy năm 2016
- **Top 50** nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2017
- **Top 50** sản phẩm vàng Việt Nam năm 2017
- **Top 50** Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018
- Chứng nhận **Top 50** nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2018
- Chứng chỉ “**Trusted Green - Chỉ số tín nhiệm xanh 2018**”
- Chứng nhận **Thương hiệu vàng Việt Nam 2019**



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty, bao gồm:



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược thị trường

Khai thác thị trường theo chiều rộng (phát triển mạng lưới đại lý, mạng lưới phân phối đối với những sản phẩm hiện có) và chiều sâu (phát triển thêm khách hàng ở thị phần hiện tại).

Chiến lược sản phẩm

Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để sản xuất ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;

Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào một số sản phẩm hóa chất cơ bản có lợi thế cạnh tranh gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường;

Tạo sự khác biệt thông qua năng lực cốt lõi: sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO về môi trường.



Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội

Đối với người lao động

Đối với Công ty, con người là nguồn lực cốt lõi để kiến tạo thành công của một tổ chức. Phương châm của Công ty là bằng mọi nỗ lực phải tạo ra được một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, không phân biệt đối xử, nơi mà mỗi cán bộ công nhân viên được phát huy hết năng lực, đổi mới và sáng tạo. Đồng thời, Công ty mong muốn tạo ra cơ hội để công nhân viên được thăng tiến một cách công bằng, đảm bảo đầy đủ chính sách phúc lợi.

Đối với cổ đông

Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của Công ty là tối đa hóa được lợi ích của cổ đông. Để thực hiện được điều này, Ban lãnh đạo của Công ty luôn cố gắng minh bạch thông tin, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư của cổ đông, không ngừng nâng cao chất lượng hệ thống quản trị doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Công ty luôn cam kết thực hiện chi trả cổ tức nếu kết quả kinh doanh năm có lãi, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đối với khách hàng và đối tác

Sự tín nhiệm của khách hàng là nguồn động lực mạnh mẽ để Công ty nỗ lực và phát triển không ngừng nhằm đáp ứng tốt hơn sự mong đợi ngày càng cao của khách hàng. Với đặc thù kinh doanh hóa chất, sự an toàn cho khách hàng là ưu tiên hàng đầu của công ty.

Do vậy, Công ty đã tiến hành lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm, đồng thời phổ biến cách sử dụng, bảo quản và những lưu ý cần thiết nhằm hỗ trợ khách hàng sử dụng hiệu quả sản phẩm và giảm thiểu tối đa thiệt hại. Các hoạt động kiểm tra đảm bảo chất lượng được cập nhật và cải tiến thường xuyên liên tục để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đó, công ty cũng đầu tư nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, tạo ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đối với môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty ý thức được rằng hoạt động sản xuất gắn liền với việc bảo vệ môi trường là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Trong quá trình làm việc, Công ty luôn xem xét đến các vấn đề môi trường như: sự tham gia của lãnh đạo và nhân viên trong quản lý môi trường, tính tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu luật pháp, vấn đề kiểm soát sử dụng nguồn năng lượng, kiểm soát nước và rác thải đầu ra, các đề tài sáng kiến tiết kiệm chi phí về môi trường, các sự cố môi trường tiềm ẩn... nhằm giúp nhân viên nhận thức tốt hơn và chính cán bộ công nhân viên là người đang góp phần tạo ra một tổ chức thân thiện với môi trường.

Công ty không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, giảm thiểu các chất thải phát sinh, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại và chất lượng nước thải ra môi trường, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty còn tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong Công ty như: tổ chức hoạt động trồng cây xanh, nạo vét kênh mương, không sử dụng chai nhựa, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Giờ Trái đất và tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, huấn luyện an toàn sử dụng hóa chất trong sản xuất.



Đối với xã hội, cộng đồng

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, phù hợp với định hướng chiến lược chia sẻ giá trị với các bên liên quan, Công ty đã và đang triển khai hàng loạt các hoạt động gắn liền với trách nhiệm cộng đồng. Để xây dựng một cộng đồng vững mạnh, Công ty không ngừng hợp tác tích cực với các cơ quan chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các đối tác, người dân địa phương nhằm nâng cao nhận thức và phát triển năng lực cộng đồng. Trách nhiệm xã hội của Công ty còn được thể hiện qua việc quan tâm đến môi trường làm việc và chế độ phúc lợi dành cho nhân viên, nhằm tạo việc làm ổn định, phát triển kinh doanh bền vững, xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho đội ngũ nhân viên, bởi đội ngũ nhân sự không chỉ là tài sản đáng quý của Công ty, mà còn là tài sản quan trọng của toàn xã hội.

Bên cạnh sự phối hợp xuyên suốt với các tổ chức, đoàn thể uy tín, các hoạt động thiện nguyện của Công ty tiếp tục nhận được sự tham gia đông đảo của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên, cùng nhau chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển và ổn định.



PHÂN TÍCH SWOT

S

Có hơn 43 năm kinh nghiệm

trong ngành hóa chất nên uy tín thương hiệu cao;

Tầm nhìn và chiến lược phát triển rõ ràng,

với khát vọng trở thành nhà sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả phù hợp;

Hệ thống quản trị được xây

dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị;

Đội ngũ lãnh đạo và nhân

viên có năng lực cao, kỹ thuật chuyên sâu và kinh nghiệm lâu năm trong ngành;

Rào cản gia nhập ngành

lớn nên thị phần của doanh nghiệp được duy trì tương đối ổn định;

Khách hàng ổn định:

- Các thành viên trong cùng tập đoàn: bột giặt LIX, bột giặt NET, phân bón Miền Nam,...

- Các khách hàng nước ngoài lâu năm: Unilever, Ajinomoto, Heneiken,...

Tình hình tài chính lành mạnh,

dòng tiền hoạt động dồi dào;

Cơ cấu sản phẩm đa dạng

với nhiều phân khúc khách hàng khác nhau;

Ưu thế từ chu trình sản xuất

khép kín: Công ty sở hữu những dây chuyền sản xuất khép kín với công suất lớn, sản phẩm đầu ra của dây chuyền này là nguyên liệu đầu vào của dây chuyền kia nên giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, đa dạng sản phẩm và tăng tính chủ động trong nguồn nguyên liệu đầu vào.

W

Quy mô sản xuất chưa thể

đáp ứng được nhu cầu rất lớn về hóa chất ở Việt Nam;

Chi phí giá điện chiếm tỷ

trọng cao khiến Công ty bị ảnh hưởng bởi quyết định tăng giá điện của Chính phủ;

Giá cả nguyên vật liệu nhập

khẩu thường xuyên bị biến động, như giá lưu huỳnh, giá muối chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết.

O

Kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn

tăng trưởng sẽ kéo theo sự phát triển các dự án xử lý nước, phát triển nhà máy phân bón, hóa chất, nhu cầu thực phẩm và các sản phẩm dệt nhuộm cũng gia tăng;

Nhu cầu hóa chất tại Việt Nam rất lớn

do đây là nguyên liệu đầu vào của các công ty trong lĩnh vực tiêu dùng và sản xuất công nghiệp thiết yếu;

Nhu cầu sản phẩm Xút (NaOH) - vốn

là sản phẩm chủ đạo của Công ty là rất lớn. Công ty đã đầu tư máy móc đẩy mạnh công suất sản xuất Xút.

T

Sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ

trong nước và Trung Quốc;

Một số sản phẩm bị cạnh tranh bởi

các mặt hàng thay thế;

Khó khăn trong chính sách thuế:

- Kim ngạch nhập khẩu muối thấp, doanh nghiệp phải nhập ngoài hạn ngạch với mức thuế cao.

- Sản phẩm Photpho bị đánh thuế làm tăng chi phí;

Có 03 nhà máy trong Khu công nghiệp

Biên Hòa buộc phải di dời giai đoạn 2018 – 2022, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của Công ty khi chi phí di dời tốn kém.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Ngành Hóa chất cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước, giấy, dệt nhuộm, chất tẩy rửa,...nên sự tăng trưởng của ngành sẽ phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế chung.

Năm 2019, nền kinh tế toàn cầu đã tăng trưởng chậm lại do tình hình kinh tế chính trị không ổn định, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung tiếp tục leo thang, chính sách bảo hộ thương mại diễn ra ở một số nền kinh tế lớn hay những rạn nứt trong nội bộ Liên minh Châu Âu. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tiêu thụ của các mặt hàng công nghiệp chế biến Việt Nam tại các thị trường nước ngoài, gián tiếp ảnh hưởng đến việc cung ứng nguyên liệu sản xuất của Công ty cho các khách hàng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.



Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty chủ động theo dõi, phân tích tình hình diễn biến thị trường, khoanh vùng các đối tượng khách hàng tiềm năng hoặc hưởng lợi từ chiến tranh thương mại để kịp thời hợp tác, cung cấp nguyên liệu đầu vào giúp tăng trưởng thị phần và doanh thu. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ trương cải tiến dây chuyền công nghệ, chất lượng sản phẩm, uy tín thương hiệu và giá cả cạnh tranh.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Bất cứ doanh nghiệp nào trong thị trường cũng chịu sự chi phối của Pháp luật Việt Nam, điển hình là Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nên Công ty cũng phải chịu sự quản lý của Luật Chứng khoán, quy định tại Sở và cơ quan ban ngành có liên quan. Hơn thế nữa, Công ty đang hoạt động trong ngành hóa chất nên còn phải chịu sự chi phối lớn từ Luật Hóa chất, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan khác.

Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bất cứ một thay đổi nào trong các quy định trên đều sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đơn cử, từ ngày 24/12/2018, Cục Hóa chất (trực thuộc Bộ Công thương) đã hủy bỏ, bãi bỏ 24 thủ tục hành chính, công bố ban hành mới 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng tích cực nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Ngoài ra, Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn doanh nghiệp để đảm bảo các thông tin đến với cổ đông, cơ quan quản lý đúng quy định.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO TỶ GIÁ

Rủi ro về tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai được tính toán trong kế hoạch, phương án tài chính sẽ biến động do tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Đặc thù ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam còn tương đối non trẻ nên khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn hạn chế. Các nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là muối công nghiệp, lưu huỳnh dùng để sản xuất Xút – Clo và Acid Sulfuric (H_2SO_4) – sản phẩm chính của Công ty phần lớn nhập khẩu từ các quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Ấn Độ,... nên sẽ chịu nhiều ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng cao.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Để hạn chế rủi ro tỷ giá, Công ty thường xuyên theo dõi các biến động thị trường, lập kế hoạch kinh doanh, lựa chọn thời điểm mua hàng phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty luôn có chính sách dự trữ nguồn nguyên liệu ít nhất 3 tháng và lưu trữ tại các nhà máy, đơn vị trực thuộc. Các kế hoạch nhập khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn cũng như các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Hiện nay với tình hình kinh tế không ổn định của thế giới, các chính sách tiền tệ có xu hướng thay đổi thường xuyên khiến lãi suất ngân hàng cũng biến động theo tương ứng. Thực tế, lãi suất vay dài hạn của Công ty đã tăng từ 5,2% - 5,5% năm 2018 lên 6,6% - 7,0% năm 2019, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí lãi vay và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Mặc dù Công ty chủ trương ưu tiên sử dụng nguồn vốn sẵn có để tài trợ cho các dự án đầu tư, nhưng trong năm 2019 và thời gian tới, việc di dời nhà máy sẽ tốn kém rất nhiều chi phí nên việc vay nợ tài trợ dự án là điều khó tránh khỏi. Vì vậy, việc quan tâm, theo dõi, lên kế hoạch sử dụng nợ vay hợp lý với tình hình thị trường là vấn đề được lưu tâm hàng đầu đối với Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty luôn chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, xây dựng kế hoạch tài chính trung và dài hạn, phân tích độ nhạy, quản lý chặt chẽ ngân sách thông qua dự báo dòng tiền thường xuyên nhằm quản lý tốt dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu hóa nguồn vốn và gia tăng thu nhập từ hoạt động tài chính.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

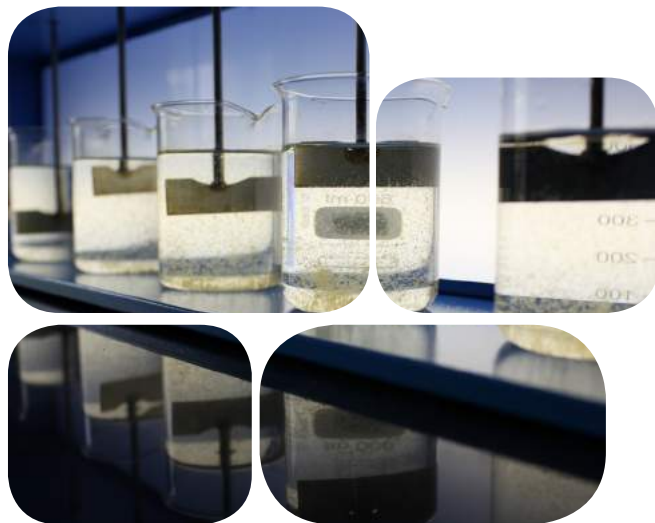
Một trong những điểm yếu lớn nhất của ngành hóa chất Việt Nam là khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn yếu, do vậy, phần lớn nguyên liệu đầu vào cho ngành hóa chất đều phải nhập khẩu. Các loại nguyên liệu chính sản xuất của Công ty như muối công nghiệp, lưu huỳnh thường khó dự đoán về giá cả nên sẽ khiến Công ty gặp khó khăn trong việc kiểm soát chi phí đầu vào.

Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán không chỉ phụ thuộc vào giá nguyên vật liệu mà còn phụ thuộc vào giá điện vì phần lớn các sản phẩm hóa chất chính của Công ty dựa trên công nghệ điện phân và lò điện. Trong dài hạn, Công ty sẽ đối mặt với rủi ro giá điện tăng cao do kế hoạch tăng giá điện theo từng lộ trình của Chính phủ.

Ngoài ra, đặc thù sản xuất của Công ty là sản phẩm của nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của nhà máy khác trong cùng Công ty, vì vậy khi có sự biến động về giá cả và tính ổn định của nguồn cung đối với các loại nguyên vật liệu chính mà Công ty sử dụng đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành hóa chất Việt Nam, Công ty luôn có các đối tác chiến lược, hợp tác lâu dài trong vấn đề cung ứng nguyên liệu với lượng lớn và giá cả hợp lý nên trong nhiều năm qua vẫn giữ được ổn định nguyên vật liệu, vật tư trong cơ cấu giá thành. Bên cạnh đó, Công ty có lợi thế là có công ty con sản xuất phốt pho nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này. Với chi phí điện, Công ty chủ trương thực hành tiết kiệm điện năng tiêu thụ và duy trì quan hệ khăng khít với khách hàng để có thể điều chỉnh giá sản phẩm một phần để bù đắp cho việc chi phí tăng.



RỦI RO PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty chú trọng. Tuy nhiên, do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản nên việc đầu tư mới và mở rộng được cơ quan ban ngành xem xét rất kỹ và mất nhiều thời gian. Đa số sản phẩm ở dạng lỏng nên vấn đề kho chứa, vận chuyển, bảo quản rất nghiêm ngặt và chi phí cao. Vì vậy, vấn đề phát triển sản phẩm mới cũng nằm ở mức hạn chế.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty tập trung vào việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, nghiên cứu nâng cao hiệu quả sản xuất bằng nhiều hình thức như tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, cơ khí hóa một số công đoạn để tiết kiệm chi phí nhân công, tăng cường ứng dụng tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất, tăng cường thiết bị giám sát thông số hoạt động dây chuyền. Công tác cải tiến mẫu mã, chất lượng dịch vụ luôn được Công ty chú trọng.

RỦI RO CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Quy mô sản xuất và công nghệ của ngành hóa chất Việt Nam hiện nay chỉ đang ở mức độ trung bình khá so với một số nước trong khu vực nên chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường đầy tiềm năng, khiến năng suất của ngành chưa cao và giá trị gia tăng còn thấp. Đơn cử như Xút (NaOH) là nguyên liệu sản xuất cho rất nhiều ngành sản xuất khác như giấy, giặt tẩy, dệt may,... nhưng hiện nay sản xuất Xút trong nước vẫn chỉ đáp ứng được khoảng 25% nhu cầu thị trường.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Hiểu được điều đó, Công ty luôn dành một khoản chi vào đầu tư vào phát triển công nghệ sản xuất. Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành đầu tư thay thế bình điện phân DD350 tại nhà máy Hóa chất Biên Hòa và sắp tới là Hệ thống chỉnh lưu 20KA/520 được dự kiến hoàn thành trong năm 2020.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ngành sản xuất hóa chất là ngành rất nhạy cảm với vấn đề môi trường. Với đặc tính ăn mòn hóa học, các sự cố về môi trường có thể xảy ra trong các hoạt động sản xuất, lưu trữ, bảo quản và vận chuyển đi phân phối trên thị trường. Tác động ô nhiễm ở một mức độ sẽ là vi phạm luật pháp, vi phạm cam kết với khách hàng, nhà đầu tư hay khiến uy tín và thương hiệu doanh nghiệp bị hạ thấp, ảnh hưởng đến hoạt động trên thị trường.

Bên cạnh đó, các chính sách, quy định quản lý của nhà nước đối với ngành cũng chặt chẽ hơn nên Công ty còn phải chịu một số loại thuế và phí về môi trường. Việc đầu tư xử lý môi trường cũng chiếm một phần vốn không nhỏ trong tổng số vốn kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Ý thức được vấn đề này, Công ty luôn đặt sự an toàn, bảo vệ môi trường và sức khỏe của con người lên hàng đầu. Công ty thường xuyên giám sát các quy trình công nghệ, quy trình an toàn lao động, tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong khi sản xuất.

Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các chế độ bảo hiểm để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công tác bảo vệ môi trường luôn được chú trọng và đảm bảo thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

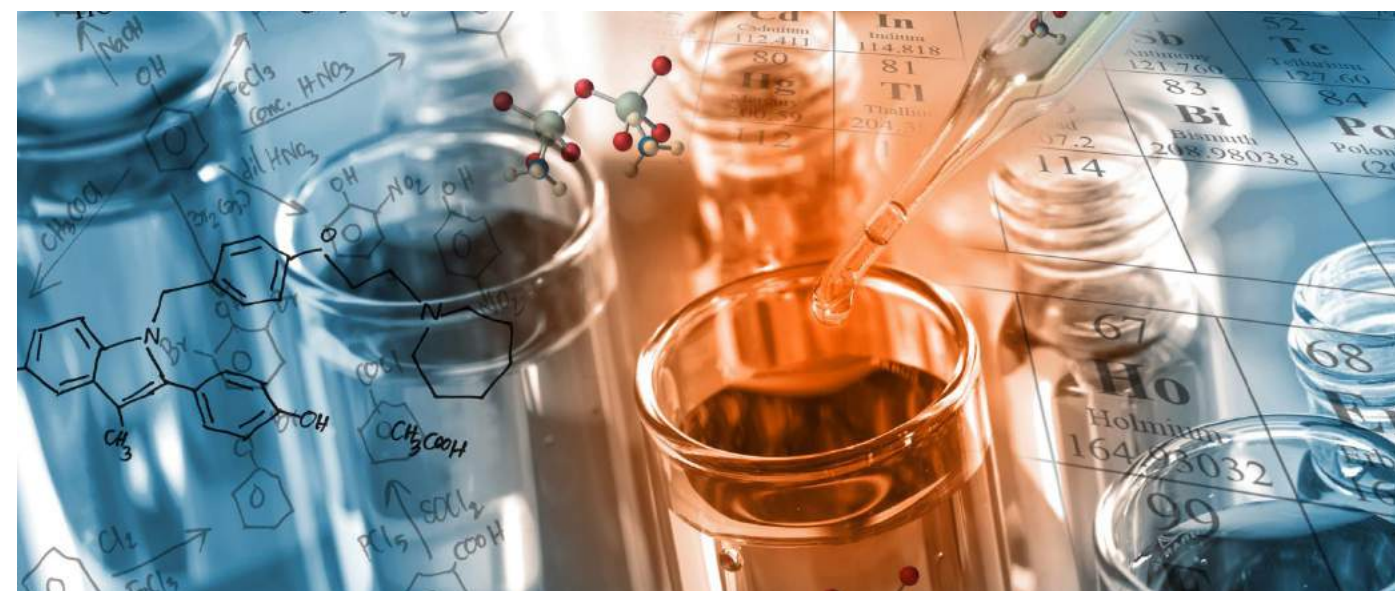
Công ty cũng chú trọng và mạnh dạn đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng thiết bị hiện đại nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, mức độ tiêu hao nguyên nhiên liệu thấp hơn, giảm thiểu chất thải ra môi trường, an toàn cho người sản xuất và người sử dụng sản phẩm.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Để giữ sản lượng tiêu thụ, Công ty luôn nỗ lực duy trì quan hệ bạn hàng lâu năm với khách hàng, cung ứng ra thị trường những sản phẩm chất lượng với giá thành hợp lý. Đồng thời, Công ty cũng tập trung nghiên cứu, cải tiến và đa dạng danh mục sản phẩm nhằm tiếp cận và đáp ứng được nhu cầu của nhiều ngành sản xuất công nghiệp khác nhau.

RỦI RO CẠNH TRANH

Các sản phẩm của Công ty đang phải chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các công ty sản xuất trong nước, công ty đa quốc gia và đặc biệt là từ Trung Quốc. Ngoài ra, các công ty trong ngành giấy và may mặc (hai ngành sử dụng hóa chất lớn) cũng đang bắt đầu đầu tư sản xuất để tự cung cấp nhu cầu hóa chất. Sự cạnh tranh gay gắt này khiến Công ty chịu áp lực về giá bán sản phẩm, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các nhân tố rủi ro nói trên, Công ty xác định còn một số nhân tố rủi ro phi hệ thống như: hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng nếu có sẽ để lại hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp và lâu dài đến hoạt động sản xuất

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty đã tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng lĩnh vực hoạt động và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro.



02

**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

“

**LUÔN CHĂM SÓC VÀ ĐÁP
ỨNG NHANH YÊU CẦU CỦA
KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU
CỦA CHÚNG TÔI**



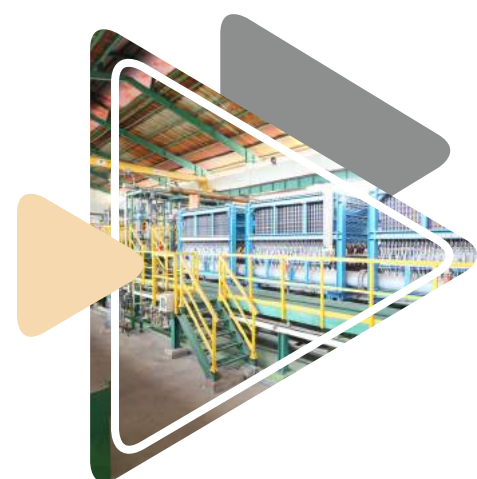
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Doanh thu

Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.566 tỷ đồng, tương đương với năm 2018 do các nhà máy của Công ty hiện đang hoạt động hết công suất, dự án bình diện phân nâng công suất Xút chỉ mới vừa được vận hành vào cuối năm 2019. Trong khi đó, với tình hình cạnh tranh gay gắt trên thị trường năm 2019, Công ty đã hạ giá bán một số sản phẩm để tăng tính cạnh tranh cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 34% chủ yếu do lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm khoảng 9 tỷ so với năm trước.



Doanh thu thuần

1.566

Tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

315

Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019/2018 (%)
1	Doanh thu thuần	1.566	1.588	99%
2	Lợi nhuận gộp	441	423	104%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	315	308	102%
4	Lợi nhuận trước thuế	315	319	99%
5	Lợi nhuận sau thuế	251	254	99%
6	Cổ tức (*)	25%	36%	69%
7	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	5.028	5.232	96%

(*): mức cổ tức năm 2019 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua

Lợi nhuận

Năm 2019, lợi nhuận của Công ty tăng trưởng nhẹ so với năm 2018. Trong đó, lợi nhuận gộp đạt 441 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2018. Một số sản phẩm tiêu thụ tăng nhẹ như Clo lỏng, Javel, H₂SO₄,...dẫn đến lãi gộp tăng. Bên cạnh đó, tài sản cố định đã khấu hao gần hết khiến chi phí khấu hao giảm, tương ứng biên lợi nhuận của Công ty được mở rộng.

Lợi nhuận sau thuế đạt 251 tỷ đồng, tương đương so với năm trước do một số chi phí như chi phí lương khối văn phòng, phân bổ tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại khu Nhơn Trạch 6 có xu hướng tăng.

Nhìn chung, dù gặp nhiều khó khăn nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn duy trì được con số tương đương với năm 2018 nhờ vào một số thuận lợi như:

-  Nhu cầu Xút-Clo trên thị trường rất lớn, trong khi đây chính là một trong những sản phẩm chủ đạo của Công ty;
-  Chi phí khấu hao giảm đáng kể: Các tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn khả năng hoạt động tốt, giúp giảm giá thành và tăng biên lợi nhuận gộp;
-  Kiểm soát tốt các chi phí hoạt động như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp;
-  Hệ thống khách hàng ổn định, có mối quan hệ lâu dài.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

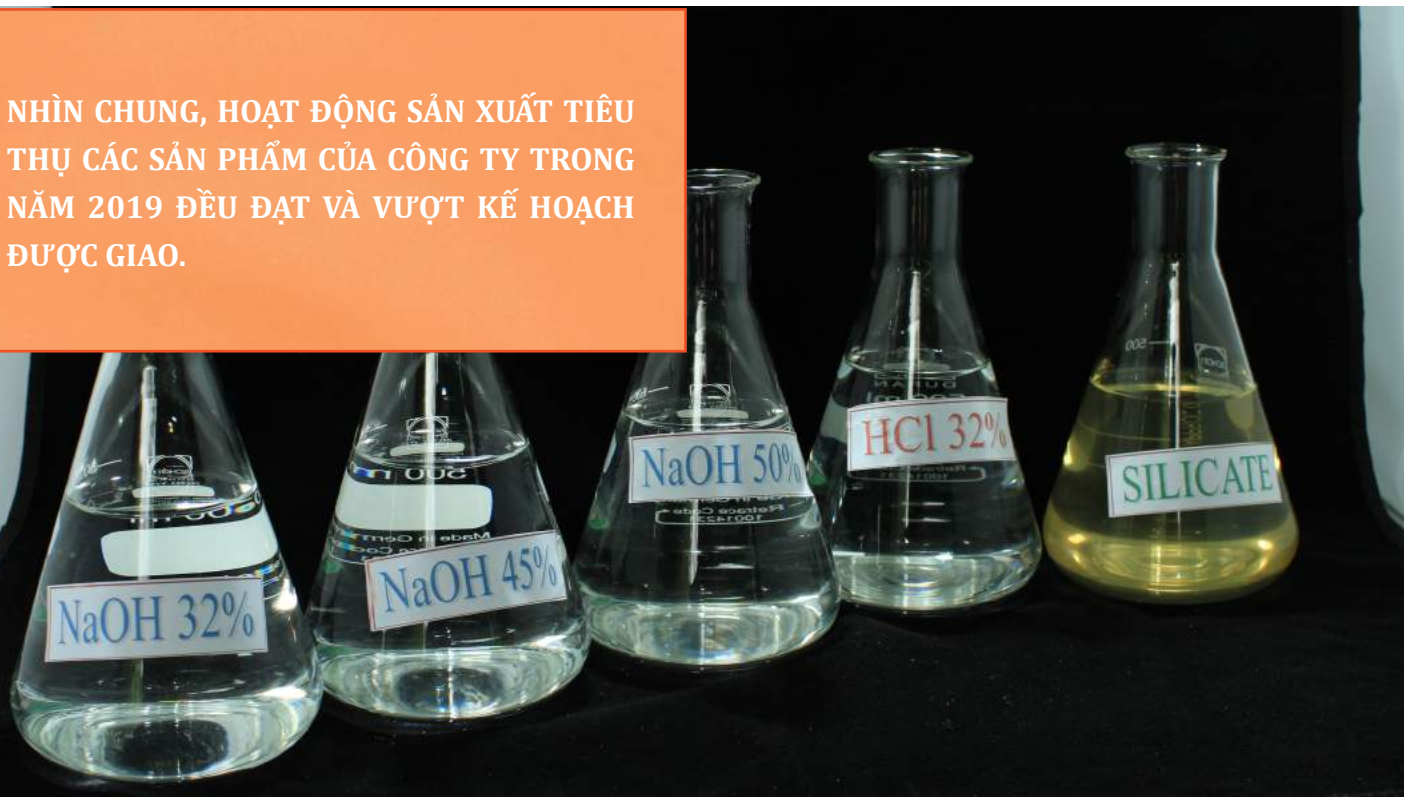
Kết quả kinh doanh năm 2019 so với kế hoạch (ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Hoàn thành kế hoạch
1	Tổng doanh thu hợp nhất	1.466	1.566	107%
2	Giá trị SXCN theo giá trị thực tế	1.590	1.628	102%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	293	315	108%
4	Phải nộp ngân sách (CSV)	172	169	98%
5	Cổ tức (%/Mệnh giá)	20%	25%	125%

Tổng doanh thu hợp nhất 1.566 tỷ đồng, tăng 7% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 315 tỷ đồng, vượt 8% so kế hoạch được giao và giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế đạt 102% so với kế hoạch. Lợi nhuận công ty con là 19,56 tỷ đồng, do trong Quý III/2019 công ty hoàn nhập được một khoản dự phòng nợ khó đòi. Mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng Công ty đã hoàn thành kế hoạch được đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chính

NHÌN CHUNG, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TIÊU THỤ CÁC SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019 ĐỀU ĐẠT VÀ VƯỢT KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO.



Xút - Clo

Từ tháng 8/2019, Công ty bắt đầu đưa vào sử dụng bình điện phân mới BM 2.7 nên sản lượng sản xuất và tiêu thụ Xút ổn định và đạt 99% so với kế hoạch được giao. Sản lượng sản xuất Xút đạt 38.647 tấn (tăng 7%) và tiêu thụ đạt 28.400 tấn (tăng 7%) so với năm 2018.

Trong những tháng cuối năm, tùy thuộc tình hình tiêu thụ của thị trường công ty đẩy mạnh cơ cấu tiêu thụ các sản phẩm gốc Clo nên đều vượt kế hoạch đề ra. So với năm 2018, các sản phẩm gốc Clo khác đều tăng như Clo lỏng tăng 8%, Javel tăng 24%, PAC tăng 30%.

Đối với sản phẩm HCl, tiêu thụ giảm 6% so với năm 2018 đạt 101% kế hoạch do sự cạnh tranh gay gắt các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ và các đối thủ sản xuất trong nước.

Gốc Photphat

Sản phẩm H_3PO_4 của công ty tiếp tục bị cạnh tranh gay gắt với hàng nội địa và hàng nhập khẩu, tuy nhiên năm 2019 công ty cố gắng duy trì sản xuất và tiêu thụ, lượng thương phẩm đạt 1.717 tấn, xấp xỉ bằng năm 2018 và vượt 27% so với kế hoạch.

Các sản phẩm gốc Photphat gặp khó khăn do khách hàng AB Mauri Việt Nam ngưng sản xuất để bảo trì, dự kiến trong Quý I/2020 sẽ hoạt động bình thường.

Gốc Sunfat

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ H_2SO_4 đều tăng so với cùng kỳ năm 2018 (sản xuất tăng 12%, tiêu thụ tăng 8%). Sản lượng tiêu thụ H_2SO_4 đạt 62.990 tấn, vượt 19% so với kế hoạch.

Do xu hướng của thị trường sử dụng các mặt hàng thay thế và sự cố Nhà máy nước Bình An ngừng hoạt động và chưa có thông báo kế hoạch tái khởi động lại nhà máy, nên sản lượng Phèn tiêu thụ năm 2019 thấp hơn 7% so với cùng kỳ và chỉ đạt 85% kế hoạch được giao.



Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	%Tăng/ giảm	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	494	533	-7%	41%	43%
Chi phí nhân công	178	180	-1%	15%	15%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32	26	23%	3%	2%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348	341	2%	29%	28%
Chi phí khác	150	146	3%	12%	12%
Tổng cộng	1.202	1.225	-2%	100%	100%

Các loại nguyên liệu chính sản xuất như muối công nghiệp, lưu huỳnh chiếm tỷ trọng lớn trên 40% trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty. Ngoài ra, chi phí điện chiếm gần 50% chi phí giá thành của việc sản xuất xút (NaOH) và 28% giá thành chung của Công ty. Các máy móc thiết bị của Công ty đã khấu hao hết dẫn đến chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu chi phí.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu tại CSV	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	Ghi chú
Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	CN: 2.500 cổ phần; ĐD: 11.051.000 cổ phần	CN: 0,0056%; ĐD: 25%	
Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 1.700 cổ phần; ĐD: 8.840.000 cổ phần	CN: 0,0038%; ĐD: 20%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
Lê Hoàng	Thành viên HĐQT	CN: 0 cổ phần ĐD: 8.840.000 cổ phần	CN: 0% ĐD: 20%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	CN: 2.700 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 0,006% ĐD: 0%	
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	CN: 5.000 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN:0,011% ĐD: 0%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019

Danh sách Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	CN: 0 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 0% ĐD: 0%
Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS	CN: 1.500 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 0,003% ĐD: 0%
Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	CN: 0 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 0% ĐD: 0%

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	Ghi chú
Lê Thanh Bình	Tổng giám đốc	CN: 1.700 cổ phần; ĐD: 8.840.000 cổ phần	CN: 0,0038%; ĐD: 20%	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng giám đốc	CN: 23.100 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 0,05% ĐD: 0%	
Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc	CN: 0 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 0% ĐD: 0%	Bổ nhiệm ngày 01/06/2019
Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	CN: 2.100 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	CN: 2.100 cổ phần ĐD: 0 cổ phần	

Tình hình thay đổi nhân sự trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc	01/10/2019	
		Phó Tổng Giám đốc		01/10/2019
2	Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc		01/10/2019
		Thành viên HĐQT		24/04/2019
3	Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2019	
4	Lê Hoàng	Thành viên HĐQT	24/04/2019	
5	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	24/04/2019	
6	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT		24/04/2019
7	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT		24/04/2019



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG LÊ VĂN HÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,0056%

Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 11.051.000 cổ phần, chiếm 25%

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Chủ tịch HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

12/1987 – 03/1990	Nhân viên phòng Tổ chức – Lao động – Tiền lương tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/1990 – 11/1994	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam
11/1994 – 07/1996	Phó trưởng phòng Kế toán –Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam
07/1996 – 01/1998	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam
01/1998 – 03/1999	Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam
04/1999 – 07/2001	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam
08/2001 – 12/2005	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
12/2005 – 12/2010	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
12/2010 - 12/2013	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
12/2013 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam



ÔNG LÊ THANH BÌNH
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sở hữu cá nhân: 1.700 cổ phần, chiếm 0,0038%

Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.840.000 cổ phần, chiếm 20%

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Mở Bán công Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam,

Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam.

Quá trình công tác:

10/1995 – 2001	Nhân viên Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
2001 – 12/2013	Phó Phòng; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
01/2014 - 04/2015	Thành viên HĐQT; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2015 - 10/2019	Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG LÊ HOÀNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%

Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.840.000 cổ phần, chiếm 20%

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân

Kỹ sư luyện kim, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

06/1996 – 01/2001	Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Mỏ và Luyện kim
02/2001 – 04/2013	Chuyên viên Vụ Quản lý công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Bộ Công nghiệp, nay thuộc Bộ Công Thương
05/2013 – 02/2018	Phó Trưởng phòng Kế hoạch và chính sách khoa học công nghệ, Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương
02/2018 – 07/2018	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương
08/2018 – nay	Phó Trưởng Ban Thư ký Hội đồng Thành viên, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
04/2019 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



ÔNG LÊ PHƯƠNG ĐÔNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,006%

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Kỹ sư Công nghệ hóa học, Đại học Bách Khoa Tp.HCM

Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

11/1989 – 12/2000	Công nhân viên Nhà máy Hóa chất Tân Bình
12/2000 – 06/2001	Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình
06/2001 – 12/2001	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình
01/2002 – 12/2002	Quyền Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình
12/2002 – 01/2010	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình
01/2010 - nay	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BÀ NGUYỄN THANH BÌNH

Thành viên HĐQT

Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,011%

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp.HCM
Kỹ sư hóa, Đại học Bách Khoa Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

10/1987 – 12/1987	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/1998 – 07/1998	Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
08/1998 – 01/2010	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
02/2010 – 04/2011	Kỹ sư phòng Công nghệ - thiết bị Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
05/2011 – 12/2013	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 – 03/2016	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



ĐHĐCĐ thường niên 2019



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG NGUYỄN HOÀI PHÚ

Phó Tổng Giám đốc

Sở hữu cá nhân: 23.100 cổ phần, chiếm 0,05%

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam

Quá trình công tác:

03/1982 – 12/1994	Nhân viên, Kế toán trưởng Nhà máy Hóa chất Tân Bình
12/1994 – 12/2013	Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
01/2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



BÀ LÊ THỊ NGỌC DIỆP

Kế toán trưởng

Sở hữu cá nhân: 2.100 cổ phần, chiếm 0,005%

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế vật tư, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Kế toán trưởng CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Phốt pho Việt Nam

Quá trình công tác:

Trước năm 2011	Nhân viên, Phó Trưởng phòng KTTC, Trưởng phòng KTTC Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
08/2011 – 12/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
01/2014 - nay	Kế toán trưởng CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



ÔNG ĐỖ TRUNG HIẾU

Phó Tổng Giám đốc

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa, Đại học Bách khoa Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Quá trình công tác:

12/1993 – 01/2000	Nhân viên phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình - Chi nhánh Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam
01/2000 – 09/2006	Phó Phòng; Trưởng Phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam
10/2006 - 08/2018	Nhân viên; Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết Bị CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2018 - 05/2019	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết Bị CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
06/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



BÀ ĐỖ THỊ THOA

Trưởng Ban kiểm soát

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Trưởng BKS CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

10/1996 – 04/2016	Nhân viên CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
05/2016 – nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG LÊ TÙNG LÂM

Thành viên BKS

Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm 0,0034%

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế học, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Tp.HCM

Cử nhân Luật, Đại học Luật Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên BKS CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

08/1997	Chuyên viên Phòng Kế hoạch thị trường Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
02/1998 – 03/1998	Chuyên viên phụ trách Ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/1998 – 09/1999	Trưởng ban Tài chính chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/1999 – 10/2001	Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2002 – 11/2013	Phó trưởng phòng Kế toán – Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/2013	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
02/2014 - nay	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty, Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính kiêm người được ủy quyền CBTT CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam



BÀ NGUYỄN THỊ MINH HÀ

Thành viên BKS

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Đại học Dân lập Phương Đông

Chức vụ đang nắm giữ: Thành viên BKS CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Quá trình công tác:

11/1999 – 03/2013	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Sao Vàng
04/2013 - nay	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
04/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Cơ cấu lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	670	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	195	29,10%
2	Trình độ cao đẳng	164	24,48%
3	Trình độ trung cấp	56	8,36%
4	Công nhân kỹ thuật	187	27,91%
5	Lao động phổ thông	68	10,15%
II	Theo loại hợp đồng lao động	670	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	549	81,94%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	53	7,91%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	68	10,15%
III	Theo giới tính	670	100%
1	Nam	515	76,87%
2	Nữ	155	23,13%

Tổng số nhân sự của Công ty năm 2019 là 670 người, giảm so với con số 750 người của năm 2018. Nhờ việc liên tục đẩy mạnh cải thiện máy móc, công nghệ sản xuất nhằm giảm sức người, số lượng người lao động của Công ty có xu hướng giảm qua từng năm.

CBNV có trình độ cao từ cao đẳng, đại học đến trên đại học chiếm 54%. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý luôn là nhiệm vụ ưu tiên của Công ty để đáp ứng nhu cầu phát triển và mô hình mục tiêu chung.

Chính sách người lao động

Kế hoạch thu hút những nhân sự giỏi kết hợp cùng công tác đào tạo, mở rộng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

Công ty đặc biệt chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực để đảm bảo duy trì, phát triển lực lượng nhân sự chất lượng cao với cơ cấu tổ chức linh hoạt, hiệu quả, tối ưu chi phí vận hành, hướng trọng tâm vào việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực, chuyên môn sâu, có đạo đức nghề nghiệp.

Môi trường làm việc

Môi trường làm việc của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc thân thiện và bình đẳng, nơi mà mọi người lao động đều cảm thấy là một phần của tổ chức. Hệ thống cơ sở hạ tầng cũng được Công ty chú trọng đầu tư khang trang, giúp cán bộ công nhân viên có một môi trường làm việc thoải mái, tiện nghi để phát huy tối đa tính sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu suất lao động góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

YẾU TỐ CON NGƯỜI LUÔN ĐƯỢC XEM LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ THÀNH CÔNG CỦA CÔNG TY

Đồng thời, Công ty không ngừng nghiên cứu để cải thiện chính sách đãi ngộ, đảm bảo sự công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Ban lãnh đạo luôn tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty, thông qua các cấp quản lý đơn vị, các tổ công đoàn và trực tiếp người lao động. Công ty nỗ lực tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.



Thời gian làm việc

Thời gian làm việc được đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật là 8 giờ/ngày. Đối với những khoảng thời gian có nhiều đơn hàng lớn, hợp đồng lớn cần huy động lực lượng lao động, Ban lãnh đạo đã linh động trong việc sắp xếp số lượng nhân viên làm tăng ca nhưng vẫn đặt sự tự nguyện của công nhân lên hàng đầu và tuyệt đối không vượt quá thời

gian cho phép của pháp luật quy định. Cụ thể, thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ/ngày, 30 giờ/ tháng và 200 giờ/năm. Thời gian nghỉ trong ca bình thường là 30 phút và ca đêm là 45 phút, theo quy định tại Bộ Luật Lao động.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Với Công ty, đào tạo không chỉ là hình thức đầu tư cho nguồn vốn con người của tổ chức mà còn nhằm mục tiêu phát triển bản thân cho đội ngũ CBNV. Công ty chú trọng vào các khoá đào tạo, huấn luyện ở tất cả các lĩnh vực để cải tiến chất lượng,

nâng cao chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi vị trí công việc. Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích cán bộ công nhân viên, người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều kiện làm việc

Công ty luôn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng cho đến Nhà máy, Chi nhánh. Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động theo các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn của Luật Bảo hộ lao động.

Tùy môi trường và công đoạn sản xuất mà người lao động được trang bị bảo hộ lao động cần thiết, nhằm hạn chế thấp nhất mức tác động của nguyên liệu đến sức khỏe công nhân, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Chính sách tuyển dụng

Việc tuyển dụng nhân sự luôn dựa trên nguyên tắc đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Công ty trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng để tìm kiếm được nguồn nhân sự vừa có năng lực vừa phù hợp với môi trường làm việc để cùng nhau gắn bó lâu dài.

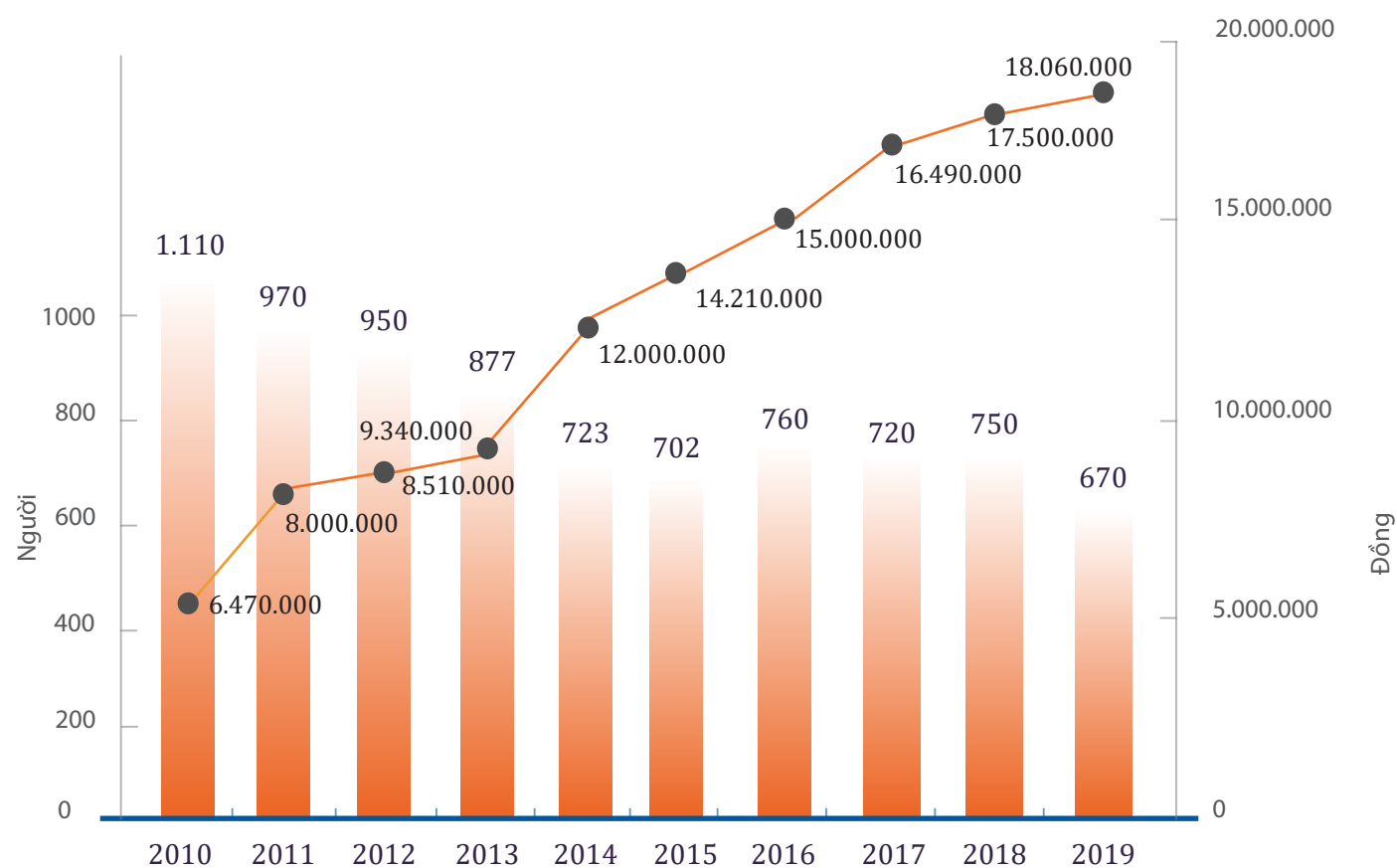


Chính sách lương, thưởng

Một chính sách tiền lương hợp lý sẽ là đòn bẩy phát triển nguồn nhân lực của tổ chức, thúc đẩy người lao động làm việc nhiệt huyết, công cụ hiệu quả để ổn định nhân sự, thu hút và giữ chân nhân tài. Công tác tiền lương của Công ty luôn được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ theo quy chế tiền lương đã đăng ký với cơ quan nhà nước và cam kết với người lao động.

Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền lương theo quy chế rõ ràng, căn cứ dựa trên thị trường lao động, trình độ, năng lực, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty luôn có các chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



Chính sách phúc lợi

Công ty luôn tạo điều kiện để công nhân viên trong Công ty được thụ hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất để thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động và tạo sự gắn bó lâu dài với tập thể. Theo đó, người lao động luôn được thực hiện đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn,... theo đúng quy định. Các chế độ thai sản, nuôi con nhỏ đều được đảm bảo cho người lao động nữ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có những chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi và sức khỏe người lao động như: Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ; nghỉ lễ, tết, thai sản, ốm đau theo đúng quy định và thực tế sức khỏe.



Các chính sách phúc lợi của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên. Tất cả các CBNV đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam.

Công ty xây dựng và áp dụng đa dạng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi để động viên nhân viên, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

NĂM 2019, CÔNG TY TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NHẪM ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, TĂNG SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT; CHUẨN BỊ QUỸ ĐẤT ĐỂ DI DỜI CÁC NHÀ MÁY TẠI KCN BIÊN HÒA 1. GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN NĂM 2019 ĐẠT 367.119 TRIỆU ĐỒNG, HOÀN THÀNH 87,14% KẾ HOẠCH



Các dự án chuyển tiếp

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Giá trị thực hiện năm 2019	Lũy kế giá trị thực hiện đến hết ngày 31/12/2019	Tiến độ thực hiện
1	Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	24.087	122.238	Nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 8/2019. Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
2	Thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai	305.463	406.562	Đã nhận toàn bộ mặt bằng vào tháng 11/2018, giấy chứng nhận quyền SDD trả tiền một lần vào tháng 3/2019. Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
3	Đầu tư hệ thống quan trắc khí thải tự động tại NM Hóa chất Biên Hòa và NM Hóa chất Tân Bình 2	8.687	8.687	Nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2019. Đã quyết toán dự án hoàn thành.
4	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Văn phòng Công ty	2.356	2.356	Nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019. Đã quyết toán dự án hoàn thành.

STT	Tên công trình, dự án	Giá trị thực hiện năm 2019	Lũy kế giá trị thực hiện đến hết ngày 31/12/2019	Tiến độ thực hiện
5	Hệ thống chỉnh lưu 20 KA/520 VDC	18.296	18.651	12/12/2018-12/8/2020
6	Mua sắm Thiết bị phản ứng sản xuất PAC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	4.456	4.456	12/12/2018-12/5/2020
7	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	3.774	3.774	12/12/2018-12/2/2021
Tổng cộng		367.119	556.724	

Các dự án đầu tư mới năm 2019

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Giá trị thực hiện năm 2019	Lũy kế giá trị thực hiện đến hết ngày 31/12/2019	Tiến độ thực hiện
1	Hệ thống thiết bị lọc sóng hài	0	0	28/5/2019-28/4/2021
2	Bình điện phân BM 2.7	0	0	24/10/2019-24/10/2021





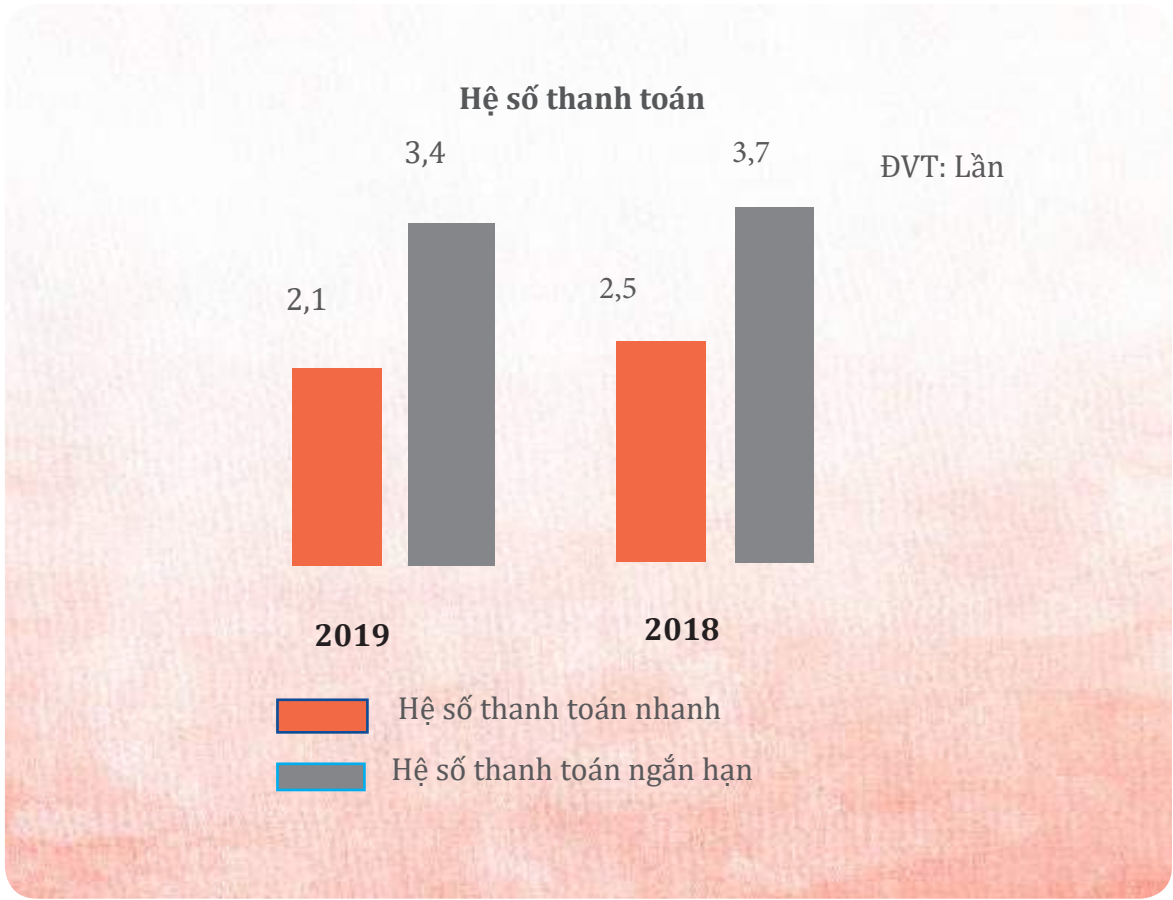
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,4	3,7
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,1	2,5
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	26%	25,3%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	35,2%	33,9%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,9	4,8
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	9,0	8,4
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,3	1,4
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Biên lợi nhuận gộp	%	28,2%	26,7%
Biên lợi nhuận ròng	%	16%	16%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	%	19,9%	22,5%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	26,8%	30,2%

01 Khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty giảm nhẹ trong năm qua. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt ở mức 3,4 và 2,1 năm 2019. Sự sụt giảm các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng để thanh toán tiền thuê đất hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6 và sự gia tăng các khoản phải thu do nói lỏng chính sách thu tiền người mua là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trên.

Dù vậy, các hệ số thanh toán này đều duy trì trên mức 2. Điều này cho thấy Công ty hoàn toàn có khả năng đáp ứng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

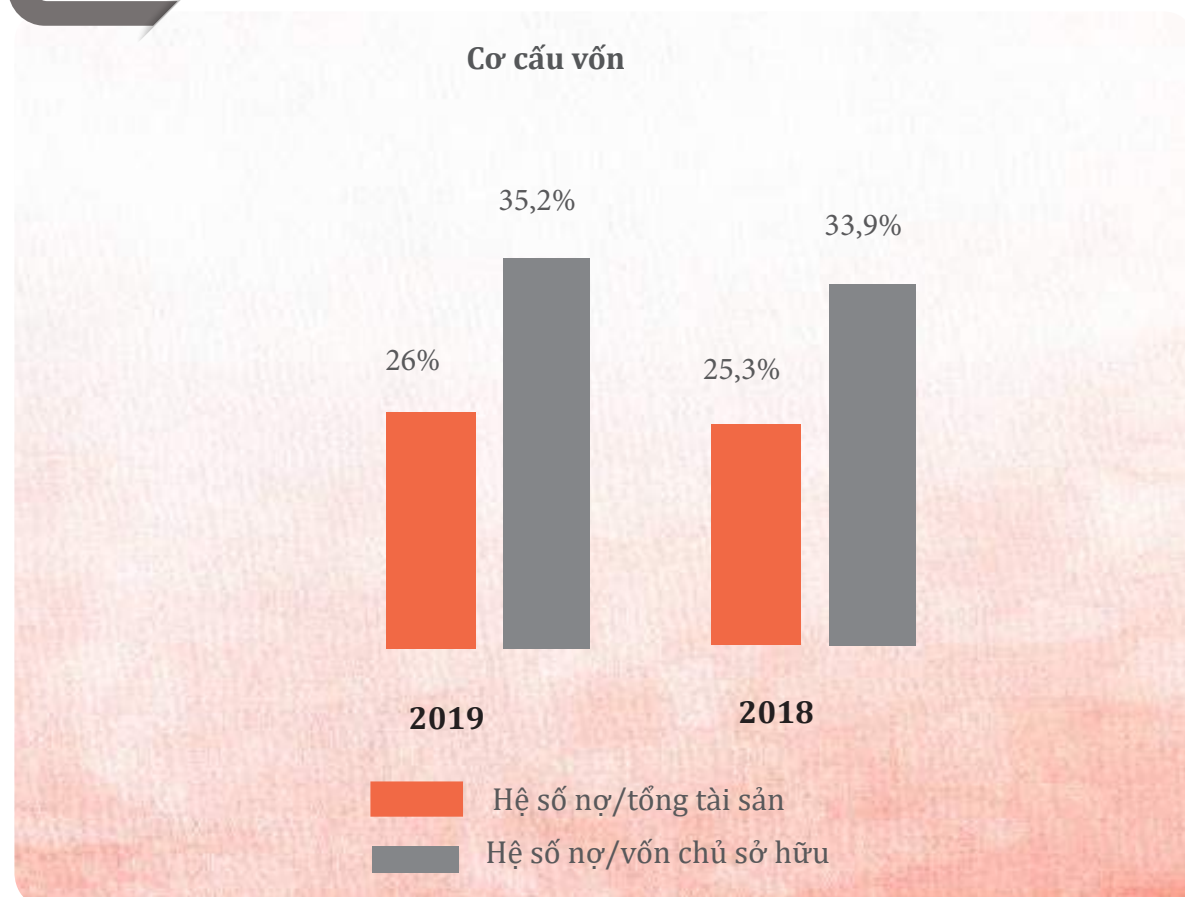




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

02

Cơ cấu vốn



Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo chú trọng. Do vậy, các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty luôn ở mức thấp. Cụ thể, nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản năm 2019 lần lượt ở mức 35,2% và 26%, đều tăng nhẹ so với năm 2018.

Trong những năm qua, Công ty luôn duy trì nợ vay ở mức thấp do hiện tại Công ty có 3 nhà máy trực thuộc tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 nằm trong kế hoạch di dời của Nhà nước nên công ty hạn chế đầu tư, mở rộng dẫn đến nhu cầu về vốn vay không lớn. Điều này đã giúp Công ty không phải chịu áp lực chi phí nợ vay và có khả năng huy động vốn với chi phí lãi vay thấp cho các dự án mở rộng trong tương lai.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, việc di dời nhà máy sẽ tốn kém rất nhiều chi phí nên việc vay nợ tài trợ dự án là điều khó tránh khỏi. Điều này có thể dẫn đến nợ vay và chi phí lãi vay tăng trong tương lai. Dù vậy, với cơ cấu vốn lành mạnh như hiện tại cùng với sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong việc lập kế hoạch tài chính dài hạn cho các dự án đầu tư, Công ty sẽ hoàn toàn có khả năng đảm bảo cân bằng được giữa tiến độ dự án và nguồn lực của mình.

03

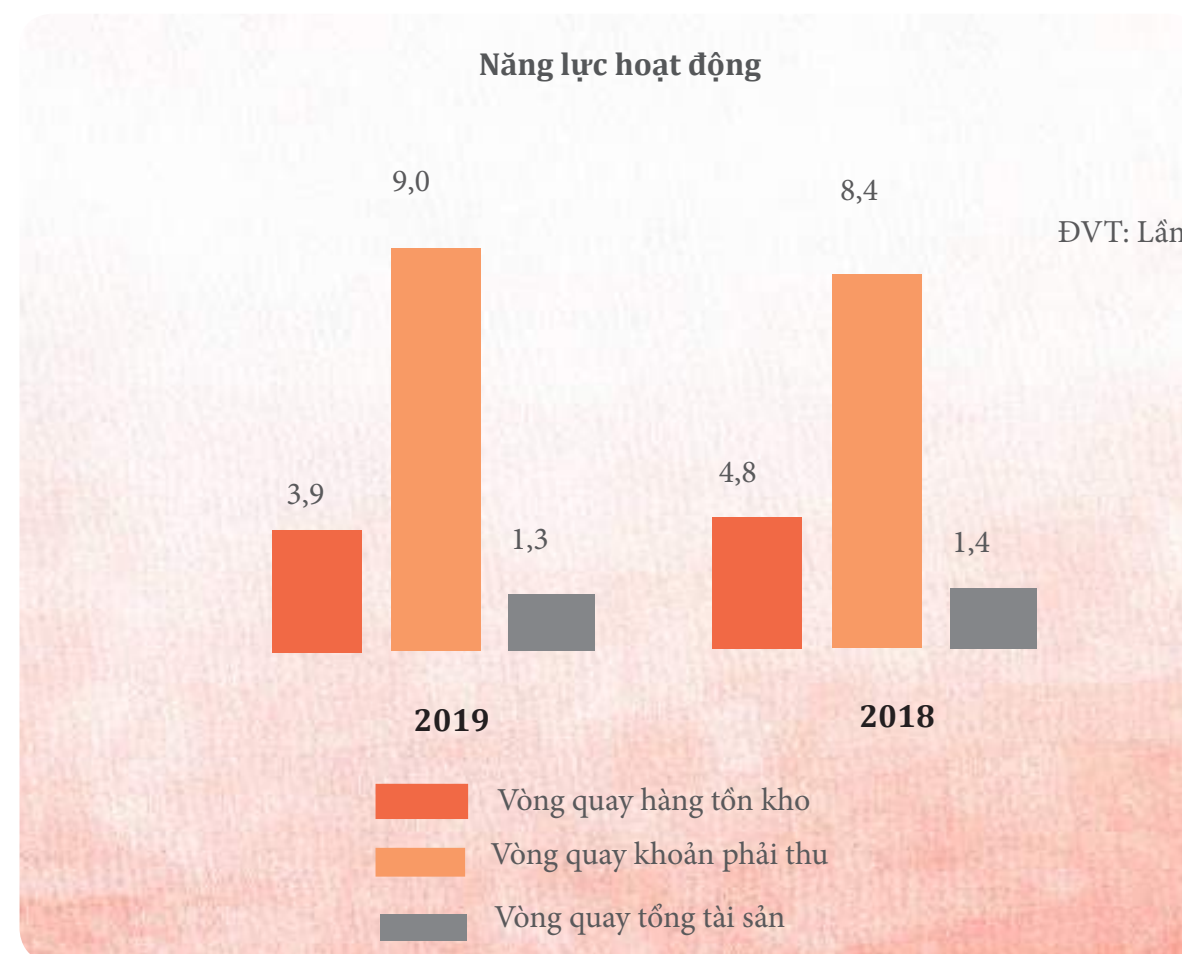
Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2019 đạt 3,9, giảm so với mức 4,8 của cùng kỳ do hàng tồn kho của Công ty tăng cao trong giai đoạn 2018-2019 để phục vụ kịp thời cho công tác sản xuất kinh doanh. Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm các đối tác chào giá lưu huỳnh với mức tối ưu và lên kế hoạch nhập khẩu nhằm ổn định chi phí đầu vào sản xuất với mức thấp.

Vòng quay khoản phải thu bình quân tăng lên mức 9,0 so với mức 8,4 cho thấy Công tiếp tục duy trì được hiệu quả của chính sách tín dụng

mà doanh nghiệp áp dụng đối với khách hàng. Công ty luôn cố gắng đảm bảo cân bằng giữa khả năng thu nợ khách hàng và chính sách tín dụng đủ hấp dẫn để vừa thu hút được khách hàng vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Vòng quay tổng tài sản bình quân của Công ty giảm nhẹ ở mức 1,3 so với 1,4 của cùng kỳ do trong năm Công ty thanh toán khoản tiền thuê đất phục vụ cho dự án di dời nhà máy sản xuất khiến tài sản dài hạn tăng cao.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

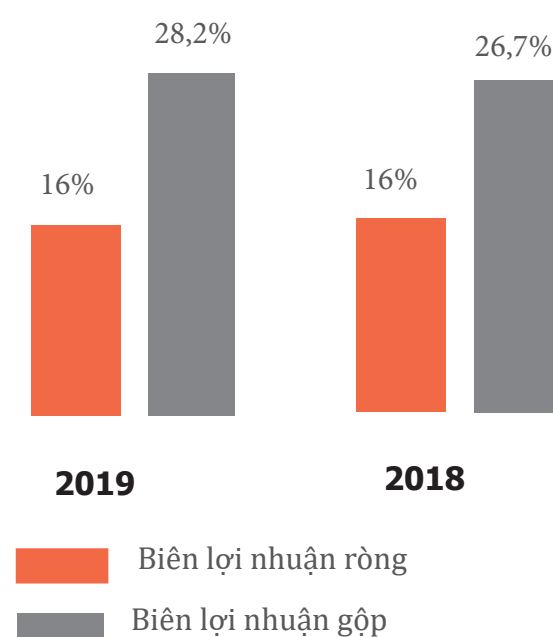
04

Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty luôn được duy trì ở mức cao và ổn định qua các năm. Trong đó, biên lợi nhuận gộp năm 2019 tăng lên 28,2% so với mức 26,7% năm 2018 nhờ các máy móc thiết bị của Công ty đã khấu hao hết giúp giảm chi phí khấu hao, dẫn đến mở rộng biên lợi nhuận gộp. Biên lợi nhuận ròng của Công ty vẫn duy trì được mức 16% của năm trước.

Dù lợi nhuận gộp tăng nhưng đồng thời chi phí lãi vay cũng tăng khiến lợi nhuận ròng của Công ty chỉ duy trì ngang mức năm 2018. Các hệ số ROA, ROE tuy giảm so với năm trước nhưng vẫn duy trì ở mức cao, lần lượt đạt 19,9% và 26,8%. Nguyên nhân là do Công ty hoàn thành dự án đầu tư vào bình điện phân tăng công suất sản xuất Xút làm cho tài sản tăng lên trong khi doanh thu vẫn duy trì ngang so với năm trước.

Biên lợi nhuận





TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ phần

Vốn điều lệ: 442.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 44.200.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 44.200.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 44.200.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tính đến 31/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	1.380	37.479.606	374.796.060.000	84,80%
1	Cổ đông nhà nước	1	28.731.000	287.310.000.000	65,00%
2	Cổ đông tổ chức	11	234.857	2.348.570.000	0,53%
3	Cổ đông cá nhân	1.368	8.513.749	85.137.490.000	19,26%
II	Cổ đông nước ngoài	59	6.720.394	67.203.940.000	15,20%
1	Cá nhân	39	195.480	1.954.800.000	0,44%
2	Tổ chức	20	6.524.914	65.249.140.000	14,76%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0	0,00%
Tổng cộng		1.439	44.200.000	442.000.000.000	100,00%



Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019



03

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

“

CHÚNG TÔI LUÔN ĐỒNG
HÀNH CÙNG CÁC NGÀNH
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



Thuận lợi và khó khăn trong năm

Thuận lợi

Các dây chuyền sản xuất vẫn hoạt động ổn định, vừa tối đa hiệu quả kinh tế cho Công ty vừa đảm bảo môi trường sinh thái.

Đa số máy móc thiết bị đã hết thời hạn khấu hao nhưng vẫn có khả năng hoạt động tốt, giúp mở rộng biên lợi nhuận.

Mối quan hệ với các tổ chức tín dụng tốt, thanh toán nợ vay đúng hạn nên luôn được các ngân hàng hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Công ty chú trọng công tác bán hàng, duy trì mối quan hệ bán hàng nên công ty luôn có một lượng khách hàng ổn định.

Chất lượng sản phẩm tốt luôn được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.

Lực lượng lao động nhiệt huyết, đoàn kết gắn bó, luôn sát cánh cùng Ban lãnh đạo duy trì ổn định sản xuất, tìm cách giảm định mức tiêu hao nguyên liệu, giảm giá thành sản phẩm, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng nhằm giữ vững thị phần, tìm kiếm khách hàng mới.

Khó khăn

Giá điện tăng 8,36% kể từ tháng 03/2019 khiến chi phí sản xuất tăng.

Việc đầu tư thuê đất và thay thế bình điện phân DD350 sẽ dẫn đến tăng chi phí phân bố, lãi vay và giảm thu nhập từ lãi tiền gửi.

Sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ trong nước. Trong đó sự cạnh tranh các mặt hàng nhập khẩu, các đối thủ trong nước đã bán các sản phẩm như Clo lỏng, HCl và PAC ra thị trường với giá rất thấp làm xáo động thị trường, dẫn đến việc công ty cũng phải giảm giá bán các sản phẩm trên để giữ chân khách hàng.

Xuất khẩu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng cùng loại của Trung Quốc.

Doanh nghiệp tiếp tục gặp phải những khó khăn trong chính sách:

- Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT làm tăng chi phí cho công ty Phốt pho;
- Sản lượng muối nhập khẩu trong hạn ngạch thấp, doanh nghiệp phải nhập ngoài hạn ngạch với mức thuế cao.

Công tác quản trị chi phí

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần	2,06%	1,61%
Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần	0,81%	0,37%
- Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	0,73%	0,35%
Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần	4,48%	4,50%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Doanh thu thuần	3,94%	4,10%
Chi phí khác/ Doanh thu thuần	0,11%	0,18%



Chi phí lãi vay năm 2019 là 12,6 tỷ đồng, tăng 109% so với năm 2018, nguyên nhân là do tăng chi phí lãi vay dài hạn, đồng thời lãi suất vay ngắn hạn cũng tăng so với cùng kỳ (từ 5,2% - 5,5% năm 2018 lên 6,6 - 7,0% năm 2019).

Năm 2019, chi phí bán hàng đạt mức 70,19 tỷ đồng, giảm 1,7% so với năm 2018. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm 5,2% so với cùng kỳ, đạt mức 61,7 tỷ đồng. Công tác quản trị chi phí hoạt động vẫn được Công ty chú trọng trong năm qua. Hiệu quả sử dụng tài sản, máy móc hoạt động nhận được sự chú tâm của Ban lãnh đạo.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Vượt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty đều đạt và vượt chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao phó. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 của công ty mẹ là 1.276 tỷ, tăng 3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế riêng tại công ty mẹ là 295 tỷ, vượt kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân vượt kế hoạch

(i) Để đạt được mục tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra, trước tiên đó là quá trình đúc kết kinh nghiệm, sự cố gắng và tận tụy của tập thể CB-CNV Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam từ nhiều thế hệ cho đến ngày hôm nay; sự chỉ đạo và hỗ trợ rất hiệu quả của lãnh đạo các cấp trong Tập đoàn hóa chất Việt Nam cũng như một số Bộ ngành, địa phương liên quan đã giúp Công ty hoàn thành nhiệm vụ của mình;

(ii) Công tác tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động đáp ứng cho sản xuất – kinh doanh của công ty đã ngày càng hoàn thiện. Công ty không ngừng chăm lo đời sống, việc làm, điều kiện và môi trường làm việc trong toàn công ty không ngừng được cải tiến và ngày càng hoàn thiện;

(iii) Giá nguyên vật liệu chính đầu vào không có nhiều biến động trong năm 2019 là nhân tố đóng góp ổn định giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh của sản phẩm. Công ty luôn kiểm soát và cắt giảm tiết kiệm chi phí liên quan sản xuất kinh doanh một cách hợp lý;

(iv) Công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu tuân thủ theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, tỷ lệ tiết kiệm cao, đảm bảo mục tiêu gói thầu, dự án sau nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đạt hiệu quả kinh tế cao;

(v) Các hạng mục sửa chữa sau khi sửa chữa hoàn thành đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu ổn định sản xuất kinh doanh của các nhà máy. Công ty chú trọng công tác bán hàng, duy trì mối quan hệ bán hàng nên công ty luôn có một lượng khách hàng ổn định.



ĐẠT **1.276** tỷ đồng

DOANH THU THUẦN

VƯỢT KẾ HOẠCH

Tình hình thực hiện sửa chữa lớn

Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Tổng giá trị quyết toán	Tiến độ thực hiện
Hạng mục	12	12	100%
Giá trị (triệu đồng)	29.892	25.365	

Giá trị thực hiện năm 2019 là 25.365 triệu đồng, tiết kiệm được so với kế hoạch là 4.527 triệu đồng, tương ứng 15,15% giá trị kế hoạch.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

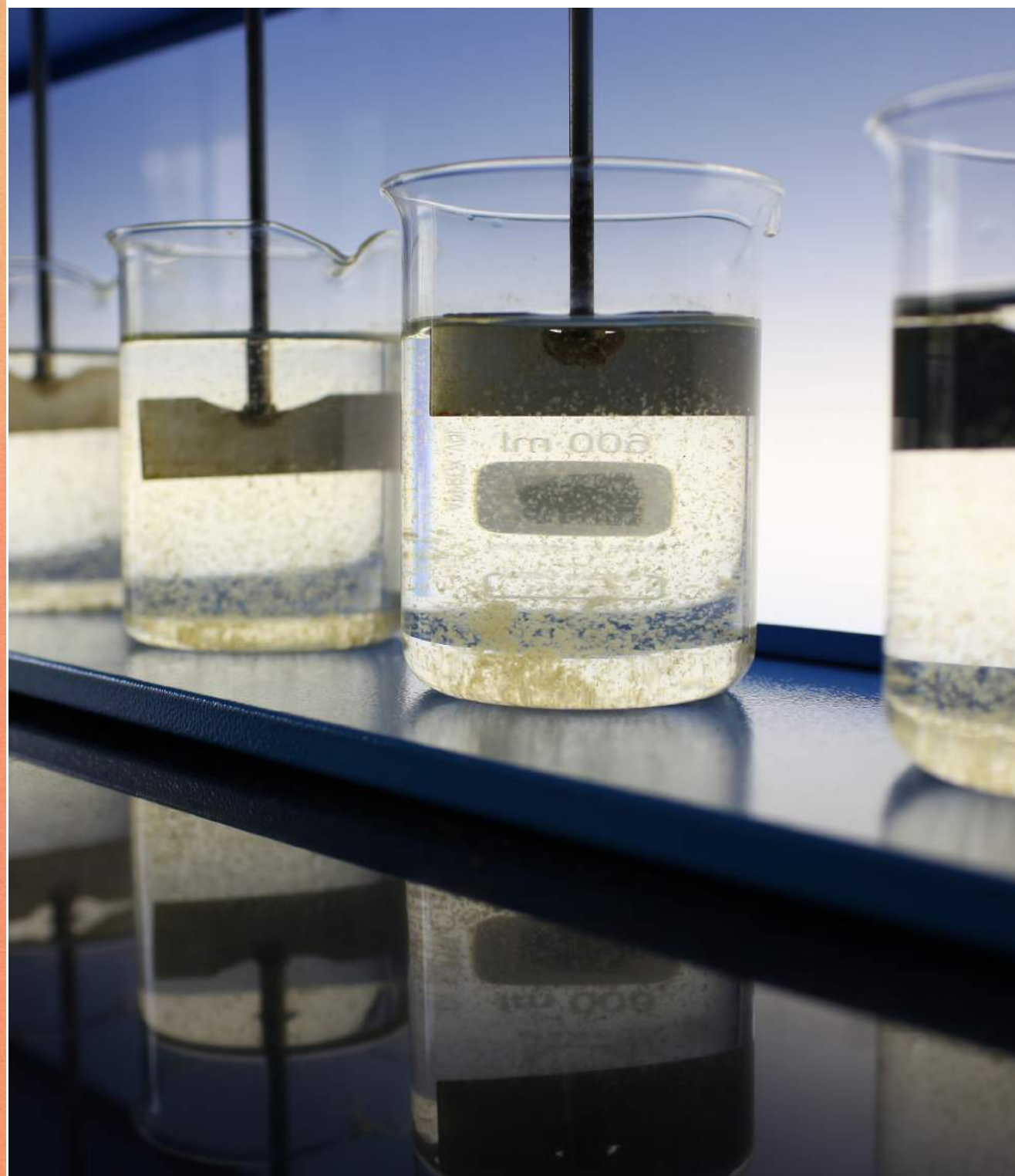
Tình hình hoạt động tại Công ty con (CTCP Phốt Pho Việt Nam)

Thuận lợi

Công ty đảm bảo tốt cả về số lượng và chất lượng đối với nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho công tác sản xuất.;

Thực hiện thành công trong việc chủ động tiếp cận khách hàng mới thị trường Nhật Bản mang lại hiệu quả kinh doanh;

Tổ chức tốt việc thu gom, phân loại nguyên liệu quặng bột thu hồi đảm bảo được chất lượng đạt các chỉ tiêu đảm bảo giá bán tốt.



Khó khăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 gặp nhiều khó khăn sau: sản lượng phốt pho tiêu thụ chậm đạt 84% so với kế hoạch và 83% so với năm 2018 tương ứng với doanh thu giảm so với kế hoạch đạt 98%, so với năm 2018 đạt 89%.

Việc tiêu thụ gặp khó khăn bởi những nguyên nhân chính như sau:

Việc chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung làm ảnh hưởng đến tổng nhu cầu sử dụng của thị trường. Các khách hàng mua sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh với các nhà máy sản xuất sản phẩm phốt pho của Trung Quốc cũng gặp nhiều khó khăn do tại Trung Quốc, chi phí sản xuất thấp, đồng CNY của Trung Quốc bị phá giá;

Tổng sản lượng tồn kho của các nhà máy sản xuất Phốt Pho vàng tại Việt Nam lớn tính trong 06 tháng đầu năm là 8.000 tấn;

Để giải quyết số lượng tồn trên, các nhà máy sản xuất Phốt Pho vàng tại Việt Nam đều phải chấp nhận việc bán giá thấp và điều kiện thanh toán chậm mới có thể cạnh tranh và tiêu thụ được bởi khách hàng tại thị trường Châu Âu chuyển hướng sang mua số lượng lớn Phốt Pho vàng từ Kazakhstan do có giá bán thấp hơn Việt Nam; Thị trường Ấn Độ cũng nắm bắt được tình hình trên để ép giá các nhà máy tại Việt Nam;

UBND tỉnh Lào Cai có văn bản đề xuất Bộ Tài chính tăng thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt Pho từ 5% lên 20%. Bộ Tài Chính đã có dự thảo văn bản trình Chính phủ phê duyệt tăng thuế xuất khẩu tăng từ 5% lên 10%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh cùng kỳ
Tài sản ngắn hạn	742	883	-16%
Tài sản dài hạn	523	245	113%
Tổng tài sản	1.265	1.128	12%

Tài sản ngắn hạn

Tính đến cuối năm 2019, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 742 tỷ đồng, giảm 16% so với cuối năm 2018. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 16%, đạt 184 tỷ đồng do trước tình hình cạnh tranh gay gắt, Công ty đã áp dụng nói lỏng chính sách tín dụng đối với một số khách hàng lớn và hợp tác lâu năm của Công ty để tăng vị thế cạnh tranh và gia tăng thị phần.

Hàng tồn kho đạt 283 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ cho thấy hoạt động quản lý nguyên vật liệu và thành phẩm đã được duy trì chặt chẽ trong năm nhờ vào chiến lược đảm bảo sản lượng nguyên vật liệu phải tương thích với kế hoạch sản xuất kinh doanh và chi phí đầu vào phải được tối ưu nhất có thể.

Công ty đã giảm bớt tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để sử dụng cho việc thanh toán tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, trả cổ tức đợt 3 năm 2018, thanh toán tiền điện,... dẫn đến khoản mục các khoản tương đương tiền giảm 34%, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 65% so với cuối năm 2018.

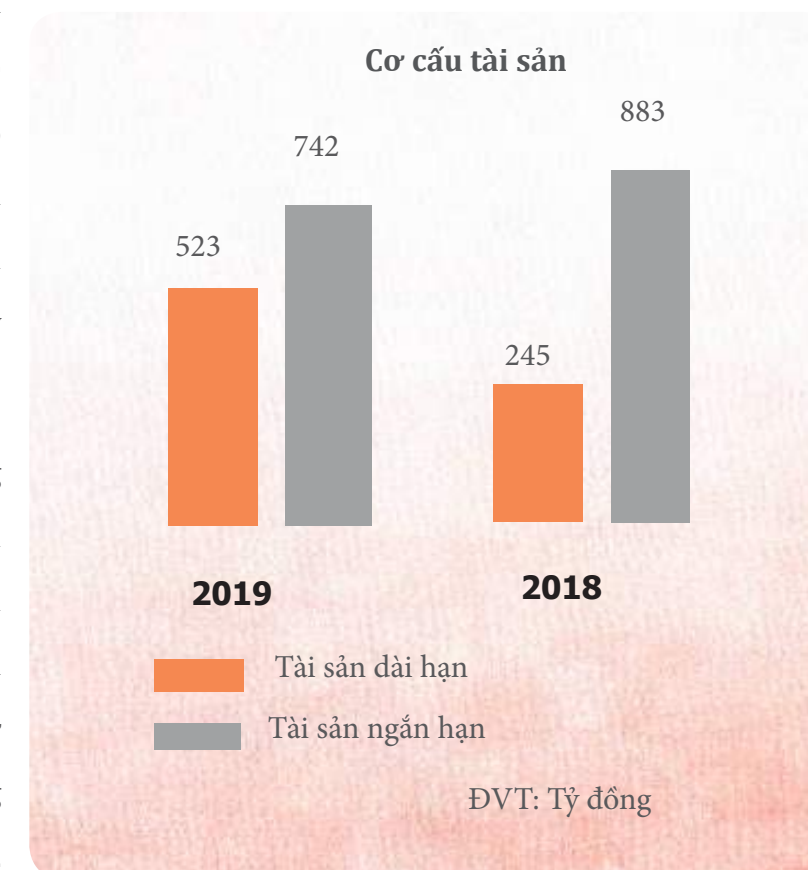
Tài sản dài hạn

Tính đến cuối năm 2019, tài sản dài hạn của Công ty đạt 523 tỷ đồng, tăng mạnh 113% so với cùng thời điểm năm 2018 và chiếm 41% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn, lần lượt chiếm tỷ trọng 12% và 29% tổng tài sản.

Trong đó, tài sản cố định đạt 149 tỷ đồng năm 2019, tăng trưởng 140% so với năm 2018 chủ yếu do dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350 đã đi vào hoạt động nên Công ty đã kết chuyển giá trị dự án này từ khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang khoản mục tài sản cố định hữu hình.

Bên cạnh đó, khoản mục chi phí trả trước dài hạn tăng mạnh 306% so với cùng kỳ, ở mức 406 tỷ đồng do Công ty đã thanh toán tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch, với thời hạn thuê đến năm 2055.

Dù vậy, tỷ trọng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty vẫn chiếm hơn 31% trong tài sản ngắn hạn, điều này sẽ giúp Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và chuẩn bị đủ dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh cùng kỳ
Nợ ngắn hạn	217	238	-9%
Nợ dài hạn	112	47	138%
Tổng nợ	329	285	15%
Vốn chủ sở hữu	936	842	11%
Nguồn vốn	1.265	1.128	12%

Nợ phải trả

Tại thời điểm cuối năm, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 217 tỷ đồng, giảm 8,8% so với cùng kỳ. Ngược lại, nợ dài hạn của Công ty tăng mạnh 138% so với năm trước. Sự biến động trong cơ cấu nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ hai khoản mục phải trả người bán ngắn hạn và vay nợ ngắn hạn.

Cụ thể, khoản phải trả của Công ty năm 2019 đạt 18 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 85 tỷ đồng của năm 2018 do cả Công ty mẹ và CTCP Phốt Pho Việt Nam đều đã thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp còn tồn đọng trong năm 2018 để tiếp tục duy trì được uy tín với người bán.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2019, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 936 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 74% nguồn vốn kinh doanh.

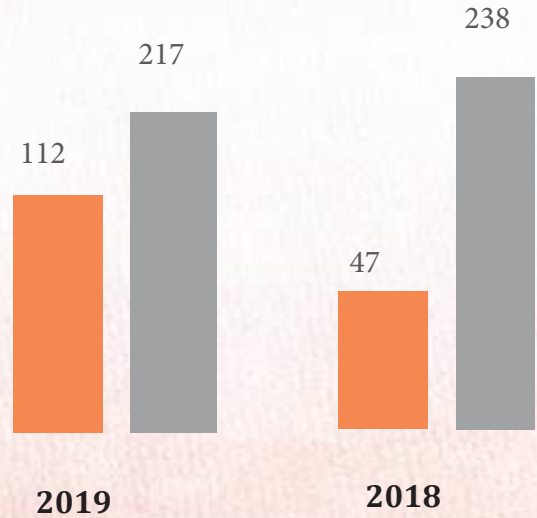
Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu, Vốn góp của chủ sở hữu vẫn giữ mức 442 tỷ đồng, chiếm 35% tổng nguồn vốn.

Khoản mục vay và nợ thuê tài chính cũng có sự biến động mạnh. Trong đó, vay ngắn hạn và dài hạn lần lượt tăng 84% và 138% so với cùng kỳ, do trong năm Công ty có nhu cầu vay để thanh toán tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 187 tỷ đồng, chiếm 15% tổng nguồn vốn vào cuối năm 2019. Quỹ đầu tư và phát triển của Công ty tăng từ mức 192 tỷ năm 2018 lên 269 tỷ năm 2019.

Cơ cấu nợ phải trả

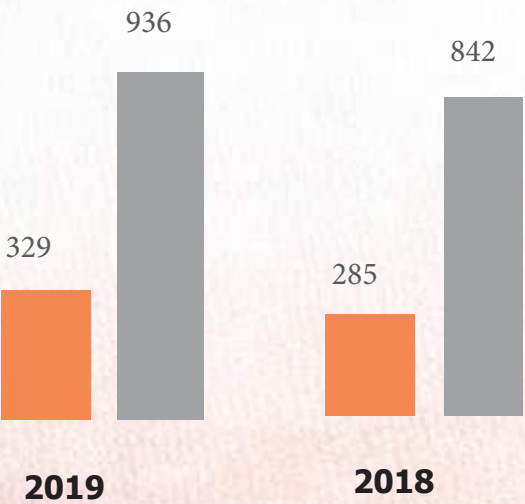
ĐVT: Tỷ đồng



Nợ dài hạn
Nợ ngắn hạn

Cơ cấu nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng



Nợ phải trả
Vốn chủ sở hữu



NHỮNG GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NỔI BẬT NĂM 2019

Công ty đầu tư phần mềm quản lý hệ thống kế toán, bán hàng nhằm tối ưu quy trình hoạt động, giảm thiểu các thao tác thủ công và hỗ trợ công tác quản lý bán hàng, quản lý hàng tồn kho, kế toán tài chính;

Trong năm 2019, giá cả một số sản phẩm nhập khẩu biến động khó lường, giá nhập khẩu cao nên công ty giảm thiểu các hoạt động thương mại, kinh doanh hàng nhập khẩu và tập trung kinh doanh các sản phẩm cốt lõi do công ty sản xuất;

Bắt kịp nhu cầu của thị trường chuyển dịch tiêu thụ sản phẩm Phèn sang sản phẩm PAC, công ty đẩy mạnh sản xuất và bán hàng. Kết quả sản lượng sản xuất và tiêu thụ PAC năm 2019 cao hơn từ 29% - 30% so với năm 2018;

Công ty đầu tư thay thế tăng công suất dây chuyền sản xuất xút tăng thêm 10.000 tấn xút 100%/ năm, đã lắp đặt hoàn thành và đưa vào hoạt động từ tháng 08/2019;

Duy trì môi trường làm việc hiệu quả, bố trí nhân sự hợp lý, đảm bảo quyền lợi và nâng cao năng lực người lao động.





Năm 2019, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt với tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP đạt 7,02%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của toàn ngành và toàn nền kinh tế, đạt mức tăng 11,29%. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp chế biến cũng là ngành thu hút được vốn FDI cao nhất trong nhiều năm gần đây.

Với chủ trương phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, Việt Nam đang là nước có tiềm năng và động lực tăng trưởng rất lớn trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo. Từ đó dẫn đến nhu cầu sử dụng hóa chất công nghiệp của Việt Nam sẽ ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ trong khi nguồn cung hóa chất cơ bản trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu. Đây chính là những thuận lợi và cơ hội để Công ty đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất để đạt được những cột mốc tăng trưởng trong dài hạn.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
Giá trị SXCN theo giá trị thực tế	1.699.859
Tổng doanh thu tiêu thụ hợp nhất	1.643.064
Nộp ngân sách (phải nộp)	168.397
Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	257.331



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch đầu tư năm 2020

Chỉ tiêu	Tên công trình, dự án	Giá trị kế hoạch (triệu đồng)
I	Công trình chuyển tiếp	54.470
1	Hệ thống chỉnh lưu 20KA/520 VDC	23.755
2	Mua sắm thiết bị phản ứng sản xuất PAC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	1.043
3	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	3.157
3.1	Thanh đồng và dao cắt một chiều kết nối hệ thống chỉnh lưu 16KA, BM2.7	2.630
3.2	Dao cắt trung thế 22KV	527
4	Hệ thống thiết bị lọc sóng hài	6.284
5	Bình điện phân BM2.7	20.231
II	Đầu tư mới	11.236
1	Mua sắm thiết bị tại nhà máy Hóa chất Biên Hòa	11.236
III	Chuẩn bị đầu tư	2.000
1	Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	
2	Tháp tổng hợp axít 75 tấn HCl 100%/ngày	
3	Hệ thống sấy phun sản xuất PAC bột	
4	21 hạng mục thiết bị lẻ khác	

Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2020

Số hạng mục sửa chữa lớn năm 2020: 08 hạng mục

Tổng chi phí sửa chữa lớn năm 2020: 34.352 triệu đồng



Phát triển khách hàng mới và duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng hiện hữu;

Phát triển sản phẩm mới cũng như tiếp tục tìm kiếm các cơ hội mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu;

Tìm kiếm cơ hội nhập khẩu vật tư, nguyên liệu với giá cả hợp lý để hạ giá thành sản xuất, tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng nhằm đảm bảo mức doanh thu và lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra;

Công ty hiện đã đưa vào sử dụng bình điện phân BM 2.7, công ty cố gắng khai thác tối ưu công suất các Bình điện phân cũ và mới để đảm bảo nhu cầu của thị trường;

Duy tu, sửa chữa tái sử dụng các hệ thống Bình điện phân DD350 để gia tăng công suất sản phẩm;

Chấp hành nghiêm túc theo chỉ đạo của Chính Phủ, thực hiện Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT; TT04/2017/TT-BKHĐT, tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng mua sắm vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh theo đúng lộ trình nhằm tăng cường tính minh bạch, tiết giảm chi phí.



04

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ; ĐẢM
BẢO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN
VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm vừa qua, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường trong và ngoài nước, triển vọng kinh tế vĩ mô và diễn biến hoạt động của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế. Kết thúc năm 2019, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn khi thị trường trong nước bị cạnh tranh gay gắt còn thị trường xuất khẩu chưa đạt được như mong muốn, nhưng với sự quyết tâm, nỗ lực cao nhất, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.

Ban lãnh đạo Công ty luôn tích cực phấn đấu trong quá trình hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý tài chính và xây dựng chiến lược phát triển để tiếp tục mục tiêu trở thành nhà sản xuất tiên phong trong ngành hóa chất cơ bản Việt Nam, gánh vác sứ mệnh đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng toàn diện của đất nước trong thời đại Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tình hình cạnh tranh gay gắt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng khá lớn.

Tuy nhiên, nhờ vào việc thường xuyên xem xét, tính toán thời điểm thích hợp để nhập khẩu một số nguyên liệu chính đảm bảo giá cả phù hợp cùng với việc chủ động duy trì và tìm kiếm khách hàng, doanh thu của Công ty năm qua vẫn duy trì được mức tương đương và vượt hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó. Đây là kết quả xứng đáng với những nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty.

Hoạt động đầu tư

Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng. Các phòng ban đảm nhiệm hoạt động đầu tư đã phối hợp cùng các bộ phận kinh doanh và tài chính để rà soát lại nhu cầu đầu tư để giải ngân cho các dự án một cách hợp lý, đảm bảo cân đối được dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa với vốn đầu tư hơn 122 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục đầu tư bình điện phân BM 2.7 với vốn đầu tư hơn 40 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào năm 2021. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện nhiều dự án thay thế máy móc, sửa chữa lớn để đảm bảo dây chuyền máy móc thiết bị hoạt động ổn định.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công tác an toàn sản xuất

Trong năm không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Các nhà máy của Công ty đều đạt được các chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng: PAS 99:2006, OHSAS, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 (Nhà máy Hóa chất Biên Hòa); ISO 9001:2000, ISO 9001:2000 (Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2) ; ISO 14001:2015, ISO 9001:2015, BS OHSAS 18001:2007 (Nhà máy Hóa chất Đồng Nai).



Quan hệ nhà đầu tư

Năm 2019, Công ty tiếp tục tăng cường các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, đặc biệt là việc công bố thông tin luôn được chú trọng không chỉ theo đúng yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh mà còn đẩy mạnh ở nhiều kênh tương tác với nhiều thông tin hữu ích về thị trường, về hoạt động sản xuất, hoạt động đầu tư,... giúp các cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt được thông tin kịp thời. Điều này đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hình ảnh minh bạch và hiệu quả của Công ty nói chung, HĐQT và Ban lãnh đạo nói riêng.



Tổ chức và nhân sự

Việc tuyển dụng, sử dụng lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Việc trả lương, thưởng đảm bảo thực hiện công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV. Công ty cũng luôn chủ trương khuyến khích toàn thể CBCNV tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp Công ty tiết kiệm được năng lượng sử dụng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thời gian sản xuất, gia tăng hiệu quả lao động.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức rõ được cơ hội cũng như thách thức mà Công ty đang và sẽ gặp phải, từ đó đề ra các giải pháp linh hoạt trong mọi hoạt động của Công ty nhằm kiểm soát có hiệu quả tình hình hiện tại, thực thi các chiến lược phù hợp.

Tổng kết trong năm qua, Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- (i) Đánh giá hiệu quả tài chính của hoạt động kinh doanh;
- (ii) Giám sát sự phân bổ nguồn vốn đầu tư và khả năng sinh lời của tài sản hoạt động;
- (iii) Phối hợp tích cực cùng HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Triển vọng ngành năm 2020

Cơ hội

Hóa chất là ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như phân bón, sơn và mực in, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa,...Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng với mục tiêu đẩy mạnh các ngành công nghiệp trong nước;

Chính sách kiểm soát môi trường tại Trung Quốc dẫn tới giảm sản xuất, giảm nguồn cung hóa chất sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành hóa chất trong nước;

Nhu cầu hóa chất tại Việt Nam rất cao nhưng nguồn cung trong nước chưa đáp ứng đủ, đặc biệt là sản phẩm Xút cho thấy dư địa tăng trưởng của sản phẩm này còn rất lớn;

Các nguyên liệu đầu vào của ngành hóa chất cơ bản có xu hướng giảm: Giá muối tiếp tục có xu hướng giảm do nhu cầu tiêu thụ yếu dần; Giá lưu huỳnh kỳ vọng giảm dần trong dài hạn nhờ nguồn cung từ các nhà máy lọc hóa dầu tăng lên.



Thách thức

Nguồn nguyên liệu trong nước để sản xuất hóa chất khan hiếm nên còn phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, dẫn đến khó kiểm soát chi phí đầu vào khi giá nguyên vật liệu biến động. Trong nhiều năm liền, hóa chất luôn nằm trong top 10 sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất và thị trường nhập khẩu chính là Trung Quốc;

Hóa chất sử dụng cho ngành công nghiệp không đáp ứng đủ nhu cầu nội địa;

Cạnh tranh về giá bởi các đối thủ trong và ngoài nước, đặc biệt là Trung Quốc;

Hệ thống máy móc kỹ thuật của ngành hóa chất phần lớn chỉ ở mức độ trung bình khá so với một số nước trong khu vực nên năng suất của ngành chưa cao và giá trị gia tăng còn thấp;

Giá điện tiếp tục tăng theo lộ trình tăng giá điện của Chính phủ khiến chi phí sản xuất của các doanh nghiệp hóa chất cơ bản tăng;

Tình hình dịch bệnh phức tạp của Covid-19 năm 2020 có thể khiến hoạt động kinh doanh khách hàng của Công ty gặp khó khăn, gián tiếp ảnh hưởng đến đầu ra của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Định hướng về hoạt động kinh doanh

Công ty cần xem xét, cân đối các khoản vay ngắn hạn phù hợp hơn nữa để tiết giảm chi phí lãi vay, tiếp tục tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp nhất là khoản mục chi phí bằng tiền;

Tiếp tục rà soát, đối chiếu công nợ nhằm hạn chế tình trạng nợ quá hạn và nợ phải thu khó đòi;

Xem xét, nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Định hướng về chiến lược

Chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty sẽ luôn tập trung vào các hoạt động cốt lõi, được xác định một cách rõ ràng và xuyên suốt. Trong quá trình thực hiện, Công ty cố gắng nhận diện các rủi ro tiềm tàng tác động đến mục tiêu chiến lược và đưa ra các giải pháp quan trọng để xử lý rủi ro. Những giải pháp này có ý nghĩa quan trọng đối với Công ty trong hoàn cảnh nền kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt trong nước và khu vực. Các chiến lược cụ thể như sau:

- Quản trị hiệu quả và áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu và chi phí hoạt động;
- Xây dựng chiến lược tài chính trung và dài hạn nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động cho Công ty, xây dựng các phương án ứng phó với thay đổi của thị trường;
- Xây dựng và củng cố chuỗi giá trị để tạo lợi thế cạnh tranh và gia tăng giá trị cho khách hàng;
- Không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp;
- Xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp, góp phần tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Định hướng về hoạt động đầu tư

Tiếp tục hoàn thiện việc lập Báo cáo đầu tư Nhà máy hóa chất Nhơn Trạch để Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thông qua chủ trương đầu tư làm cơ sở tiến hành các bước tiếp theo. Khi thu thập dữ liệu, số liệu, thông tin, tính toán về tổng mức đầu tư, khả năng huy động vốn, nhu cầu thị trường,...;

Ban điều hành cần phải phân tích, đánh giá, dự báo, xem xét kỹ lưỡng mọi khía cạnh, sát thực tế, nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo dự án có hiệu quả.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Định hướng về hoạt động của HĐQT

- Tuân thủ thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ công ty và quy định của pháp luật, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao;
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi đều đặn giúp nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời chỉ đạo đảm bảo thực hiện được kế hoạch mà ĐHQĐĐ đã giao phó;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Tiếp tục rà soát, cập nhật, hoàn chỉnh các quy chế, quy định hiện có và ban hành mới các quy chế còn thiếu để quản lý chặt chẽ mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dự kiến kế hoạch dài hạn

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam hiện có 3 nhà máy đóng tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I Tỉnh Đồng Nai, tuy nhiên theo chủ trương chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa I của UBND Tỉnh Đồng Nai đã được Thủ tướng chấp thuận tại văn bản số 260/TTg-KTN ngày 27/02/2014, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam phải di dời 3 nhà máy ra khỏi khu công nghiệp Biên Hòa I. Công ty đã hoàn tất thủ tục thuê 18 ha đất, hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 với tổng số tiền là hơn 406 tỷ đồng để phục vụ cho việc di dời 03 nhà máy nêu trên;

Công ty đang thực hiện thủ tục lập phương án đầu tư, viết báo cáo xin chủ trương trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Dự án dự kiến hoàn tất đầu tư năm 2027 với công suất sản xuất Xút quy về 100% lên đến 50.000 tấn/năm; công suất Axit Sunfuric 100.000 tấn/năm.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

“

LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN
VƯƠN TỚI TƯƠNG LAI



Các buổi họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	1	20%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2019
3	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	4	80%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
4	Lê Hoàng	Thành viên HĐQT	4	80%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
5	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	5	100%	
6	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	4	80%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
7	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	1	20%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2019
8	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	1	20%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2019

Các Nghị quyết, Quyết định trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	09/QĐ-HĐQT	04/01/2019	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án "Thuê đất và thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai
2	40/QĐ-HĐQT	10/01/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019.
3	79/NQ-HĐQT	17/01/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
4	150/QĐ-HĐQT	15/02/2019	Về việc ban hành Quy chế mua hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 2)
5	173/NQ-HĐQT	26/02/2019	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
6	195/NQ-HĐQT	06/03/2019	Về việc thông qua chủ trương, triển khai quy trình bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Ông Đỗ Trung Hiếu
7	219/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương người lao động năm 2018
8	220/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Về việc ban hành Quy chế người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đầu tư tại doanh nghiệp khác
9	299/QĐ-HĐQT	08/04/2019	Về việc ban hành Quy chế bán hàng của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1)
10	300/QĐ-HĐQT	08/04/2019	Về việc ban hành bộ định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu năm 2019 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
11	301/QĐ-HĐQT	08/04/2019	Về việc ban hành "Chương trình hành động năm 2019 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ
12	317/NQ-HĐQT	10/04/2019	Về kỳ họp thứ 22, nhiệm kỳ 2014 -2018



STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
13	357/NQ-HĐQT	22/04/2019	Về việc giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
14	362/QĐ-HĐQT	23/04/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019 (Điều chỉnh lần 1)
15	04/QĐ-HĐQT	03/05/2019	Về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Ông Lê Văn Hùng
16	05/QĐ-HĐQT	03/05/2019	Về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Bà Đỗ Thị Thoa
17	386/QĐ-HĐQT	04/05/2019	Về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư trong Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
18	418/NQ-HĐQT	09/05/2019	Về việc chi trả cổ tức năm 2018 đợt 3 bằng tiền
19	435/QĐ-HĐQT	13/05/2019	Về việc chi thưởng tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2018
20	462/NQ-HĐQT	20/05/2019	Về việc thông qua chủ trương, triển khai quy trình bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Ông Lê Thanh Bình.
21	463/NQ-HĐQT	20/05/2019	Về việc chọn công ty kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
22	06/QĐ-HĐQT	23/05/2019	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Ông Đỗ Trung Hiếu
23	484/NQ-HĐQT	23/05/2019	Về kỳ họp thứ 21, nhiệm kỳ 2019 -2024
24	495/QĐ-HĐQT	27/05/2019	Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án "Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2"
25	496/NQ-HĐQT	27/05/2019	Về việc thông qua chủ trương, triển khai quy trình bổ nhiệm lại chức danh Trưởng Phòng Nhân sự - Hành chính kiêm Thư ký công ty đối với Ông Lê Tùng Lâm

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
26	502/QĐ-HĐQT	28/05/2019	Về việc phê duyệt dự án "Mua sắm hệ thống thiết bị lọc sóng hài tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"
27	503/QĐ-HĐQT	28/05/2019	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án "Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"
28	510/QĐ-HĐQT	29/05/2019	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nhiệm kỳ 2019 - 2024
29	546/QĐ-HĐQT	13/06/2019	Về việc phê duyệt gia hạn (lần 2) thời gian thực hiện dự án "Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"
30	576/QĐ-HĐQT	21/06/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài năm 2019 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
31	05/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với Ông Nguyễn Hữu Thọ - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
32	623/NQ-HĐQT	09/07/2019	Về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính Nhà máy Hóa chất Đồng Nai
33	669/QĐ-HĐQT	31/07/2019	Về việc cử Ông Lê Thanh Bình - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc tham gia đợt công tác ngắn hạn tại Trung Quốc
34	681/NQ-HĐQT	02/08/2019	Nghị quyết về kỳ họp thứ 3, nhiệm kỳ 2019 - 2024
35	684/NQ-HĐQT	05/08/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính Nhà máy Hóa chất Đồng Nai đối với bà Chu Thùy Bảo Vi
36	685/QĐ-HĐQT	05/08/2019	Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Báo cáo kinh tế kỹ thuật "Mua sắm thiết bị phản ứng PAC cho Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"
37	700/QĐ-HĐQT	13/08/2019	Về việc ban hành Quy chế "Quản lý bảo vệ môi trường của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam"
38	723/NQ-HĐQT	20/08/2019	Về việc thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính Nhà máy Hóa chất Đồng Nai đối với bà Chu Thùy Bảo Vi



STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
40	752/QĐ- HĐQT	29/08/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam (điều chỉnh lần 1)
41	753/QĐ- HĐQT	30/08/2019	Về việc cử Ông Nguyễn Hữu Thọ - Tổng giám đốc và Ông Lê Phương Đông - Thành viên HĐQT, Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 đi tham quan, học tập tại nước ngoài
42	763/QĐ- HĐQT	06/09/2019	Về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) dự án "Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"
43	809/NQ- HĐQT	27/09/2019	Nghị quyết về kỳ họp thứ 4, nhiệm kỳ 2019 - 2024
44	11/QĐ- HĐQT	27/09/2019	Về việc bổ nhiệm Ông Lê Thanh Bình giữ chức vụ Tổng giám đốc CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
45	817/QĐ- HĐQT	01/10/2019	Về việc liên quan đến các giao dịch tín dụng tại các ngân hàng
46	819/QĐ- HĐQT	01/10/2019	Về việc thay đổi người đại diện pháp luật của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
47	836/NQ- HĐQT	07/10/2019	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2019 đợt 1 bằng tiền
48	858/QĐ- HĐQT	14/10/2019	Về việc liên quan đến các giao dịch tín dụng tại các ngân hàng
49	859/QĐ- HĐQT	14/10/2019	Về việc liên quan đến các giao dịch tín dụng tại các ngân hàng
50	884/QĐ- HĐQT	21/10/2019	Về việc ban hành quy chế công bố thông tin của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
51	885/QĐ- HĐQT	21/10/2019	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
52	897/QĐ- HĐQT	24/10/2019	Về việc phê duyệt dự án "Mua sắm bình điện phân NaOH"
53	917/NQ- HĐQT	31/10/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại chức danh Trưởng phòng chuyên môn đối với Ông Lê Minh Tuấn và Ông Phan Xuân Sơn

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
54	918/NQ- HĐQT	31/10/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại Giám đốc, Trưởng phòng chuyên môn Nhà máy Hóa chất Đồng Nai
55	919/NQ- HĐQT	31/10/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng chuyên môn, Quản đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
56	920/NQ- HĐQT	31/10/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình kéo dài thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng chuyên môn Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
57	975/NQ- HĐQT	20/11/2019	Về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
58	976/NQ- HĐQT	20/11/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Tân Bình
59	977/NQ- HĐQT	20/11/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại Phó Giám đốc, Trưởng phòng chuyên môn, Phó trưởng Phòng chuyên môn, Quản đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
60	990/NQ- HĐQT	25/11/2019	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2019 đợt 2 bằng tiền
61	991/NQ- HĐQT	25/11/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
62	992/NQ- HĐQT	25/11/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam.
63	1011/NQ- HĐQT	02/12/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
64	1012/QĐ- HĐQT	02/12/2019	Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Ông Nguyễn Hoài Phú.
65	1013/QĐ- HĐQT	02/12/2019	Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Bà Lê Thị Ngọc Diệp.
66	1038/QĐ- HĐQT	09/12/2019	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019 (điều chỉnh lần 2)

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
67	1056/NQ-HĐQT	13/12/2019	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm chức danh Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam đối với Ông Nguyễn Minh Trí
68	1057/QĐ-HĐQT	13/12/2019	Về việc ban hành định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu sản phẩm FeCl ₃ 38% và điều chỉnh định mức tiêu hao nguyên liệu muối NaCl trong sản xuất NaOH 32%
69	1109/NQ-HĐQT	02/12/2019	Nghị quyết về kỳ họp thứ 5, nhiệm kỳ 2019 - 2024
70	1129/QĐ-HĐQT	25/12/2019	Về việc ban hành quy chế bảo đảm an toàn vận hành khai thác các bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
71	1143/QĐ-HĐQT	27/12/2019	Về việc phê duyệt quyết toán báo cáo kinh tế kỹ thuật hoàn thành dự án Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Văn phòng công ty
72	1155/QĐ-HĐQT	30/12/2019	Về việc ban hành "Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam"

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty... Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Căn cứ quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn của Công ty, của từng đơn vị trực thuộc và của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc bằng văn bản, đồng thời phải báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Trong năm 2019 các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ;
- Công tác di dời 3 Nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai;
- Dự án thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai;
- Công tác chuẩn bị, tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã quyết nghị ngày 24/04/2019;
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 3 năm 2018 bằng tiền;
- Thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1, 2 năm 2019 bằng tiền;
- Các nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Các vấn đề khó khăn HĐQT đều chủ động nêu ra trong các cuộc họp để các thành viên HĐQT xem xét và có giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty và phù hợp với quy định của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, quy định pháp luật nhà nước.

Cụ thể, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và kiện toàn bộ máy nhân sự; bổ sung, hoàn thiện, ban hành mới Quy chế nội bộ như: Sửa đổi, bổ sung lần 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Quy chế mua hàng, Quy chế bán hàng, Quy chế người đại diện phần vốn của công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; thông qua chủ trương triển khai bổ nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc công ty, chức danh Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Kế toán tài chính Nhà máy Hoá chất Biên Hòa; phê duyệt kế hoạch đầu tư XD CB; phê duyệt kế hoạch SCL, phê duyệt điều chỉnh dự án thuê đất, thuê hạ tầng tại khu Nhơn Trạch 6; báo cáo Tập đoàn Hoá chất Việt Nam về việc quyết toán tiền lương; phê duyệt quỹ tiền lương; ban hành bộ định mức nguyên nhiên vật liệu, ban hành chương trình hành động,...

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có thành lập tiểu ban



Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	4	100%	
2	Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS	4	100%	
3	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	3	75%	Bận công tác

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2019, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty, trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông.

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và định hướng phát triển của công ty, Hội đồng quản trị đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định mang tính thực thi cao để Ban điều hành triển khai thực hiện, mang lại lợi ích chung cho công ty và cổ đông.

Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HĐQT hoặc Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban điều hành đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, thực hiện nhiều giải pháp về quản lý, kỹ thuật, chi phí,... nhằm thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

Trong năm 2019 không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận khác

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc. Do đó, BKS có điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng	Ghi chú
Hội đồng quản trị					
1	Lê Văn Hùng	590.842.599	120.000.000	505.518.395	Bổ nhiệm 24/4/2019
2	Nguyễn Hữu Thọ	410.609.867	32.000.000	508.223.694	Miễn nhiệm 24/4/2019
3	Phan Thanh Bình	-	32.000.000	60.000.000	Miễn nhiệm 24/4/2019
4	Trịnh Hồng Vân	-	32.000.000	40.000.000	Miễn nhiệm 24/4/2019
5	Lê Phương Đông	347.539.461	96.000.000	177.702.047	Bổ nhiệm 24/4/2019
6	Lê Thanh Bình	471.880.711	64.000.000	427.255.582	Bổ nhiệm 24/4/2019
7	Lê Hoàng	-	64.000.000	31.000.000	Bổ nhiệm 24/4/2019
8	Nguyễn Thanh Bình	-	64.000.000	26.000.000	Bổ nhiệm 24/4/2019
Ban kiểm soát					
1	Đỗ Thị Thoa	394.945.512	-	310.442.040	Bổ nhiệm 24/4/2019
2	Lê Tùng Lâm	344.539.503	72.000.000	266.305.922	Bổ nhiệm 24/4/2019
3	Nguyễn Thị Minh Hà	-	72.000.000	55.000.000	Bổ nhiệm 24/4/2019
Ban điều hành					
1	Lê Thanh Bình	471.880.711	64.000.000	427.255.582	
2	Nguyễn Hoài Phú	411.349.776	-	395.386.177	
3	Đỗ Trung Hiếu	396.852.421	-	248.361.208	Bổ nhiệm 01/06/2019

Giao dịch mua bán kinh doanh với Công ty con

	Mối quan hệ	ĐVT	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	7.733.327.450	7.671.214.841
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, tài sản				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	20.148.480.000	0

Đào tạo quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty

Công bố thông tin và tính minh bạch;

Khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo công bố thông tin kịp thời và chính xác về các vấn đề thực tế liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, tình hình hoạt động, sở hữu và quản trị công ty;

Trách nhiệm của HĐQT

Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát có hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị, và trách nhiệm của HĐQT với công ty và cổ đông. Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất bởi trách nhiệm thực thi quản trị công ty đầu tiên và trên hết thuộc về HĐQT.

Nguyên tắc này nhấn mạnh HĐQT cần làm việc vì quyền lợi tối cao của các cổ đông, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông cũng như những người có liên quan;

Cơ chế công bố thông tin tốt là cơ sở để thu hút vốn và tạo niềm tin cho các nhà đầu tư. Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định số 884/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2019 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo Quyết định số 885/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2019 giúp Hội đồng quản trị nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.



06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀ
CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI





CHÍNH SÁCH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN (RC)

Công ty đã tham gia thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội (RC – Responsible Care) do Hội đồng Trách nhiệm xã hội Việt Nam (VRCC) - một tổ chức chuyên môn của Hội Hóa học Việt Nam - thành viên của tổ chức Trách nhiệm Xã hội châu Á - Thái Bình Dương (APRO) đề xướng. Công ty đã triển khai các quy phạm RC về an toàn quá trình và kiểm soát ô nhiễm là các mục tiêu thiết thực giúp tăng cường các công cụ kiểm soát, gia tăng hiệu quả cho công tác an toàn sản xuất và bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của Công ty.

Hành động vì một môi trường trong lành và an toàn cho cộng đồng

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam là đơn vị hoạt động hóa chất lâu năm và uy tín trên thị trường Việt Nam. Xác định đóng góp vào hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của Công ty.

Định hướng

Quản lý toàn bộ sản phẩm hóa chất trong các hoạt động thiết kế, sản xuất, phân phối và sử dụng theo hướng bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và cộng đồng;

Xác định: hành động đúng xuất phát từ nhận thức. Công ty đặt yêu cầu ưu tiên cho công tác đào tạo nhằm nâng cao nhận thức an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường cho nhân viên và các đối tác;

Ứng phó hiệu quả các tình huống khẩn cấp: Kế hoạch phòng ngừa tốt quyết định hiệu quả trong ứng phó sự cố hóa chất do thiên tai, dịch họa.

Cam kết Ban lãnh đạo

Cung cấp đầy đủ nguồn lực xây dựng và phát triển hệ thống RC trong toàn công ty. Quản lý sản phẩm hóa chất bảo đảm tuân thủ yêu cầu Luật pháp Bảo hộ lao động, Hóa chất và bảo vệ môi trường;

Hoạt động hóa chất luôn được chú trọng cải tiến theo định hướng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nguyên liệu an toàn và giảm thiểu phát thải;

Tạo mọi điều kiện để người lao động tham gia hoạt động hóa chất được đào tạo, cập nhật kiến thức kỹ thuật, an toàn và pháp lý.

Phổ biến chính sách RC của công ty đến nhân viên, khách hàng, đối tác và các bên có quan tâm.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng lớn nhất trong quá trình sản xuất của Công ty là điện, được dùng trong các khâu điện phân, chiếm hơn 40% giá thành sản phẩm. EVN là nhà cung cấp toàn bộ điện cho quá trình sản xuất của Công ty.

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

Bên cạnh đó, những cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu bền vững của Công ty.

Trong năm, nhiều sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả đã được toàn thể nhân viên Công ty nhiệt liệt tham gia, sáng tạo và mạnh dạn trao đổi ý kiến và nhận được sự quan tâm của Ban lãnh đạo như: thiết kế lại quy trình, chuyển đổi nâng cấp thiết bị, thay đổi hành vi và nhận thức người lao động, những thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2019
1	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Điện (Kwh)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	645.236.076.630,60
2	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Dầu DO (tấn)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	2.706.033.860,53
3	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Dầu FO (tấn)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	7.468.734.036,40
4	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Khí gas LPG (tấn)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	471.600.482,26
5	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Hơi nước (tấn)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	87.046.279.320,00

Tiêu thụ nước

Tổng lượng nước thủy cục sử dụng trong năm là 559.056.000 lít nước. Lượng nước được tái sử dụng/tái chế là 2.500.000 lít, trong đó:

- Nước tái sinh pha rửa than hoạt tính: 1.500.000 lít;
- Nước làm mát trực bơm cô xút: 1.000.000 lít.



Nước thải

Nước thải phát sinh: 39.373 m³. Trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: 24.340 m³;
- Nước thải công nghiệp: 15.033 m³.

Nước thải phát sinh được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải trung tâm của các đơn vị xử lý đạt cột A quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường hoặc đạt theo tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp.

Chất thải rắn

Chất thải rắn phát sinh tại các đơn vị sẽ được thu gom, phân loại và lưu chứa theo quy định. Sau đó giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Chất thải sinh hoạt: 78,84 tấn.
- Chất thải công nghiệp không nguy hại: 45.756,5 tấn
- Chất thải nguy hại: 30.329 kg.

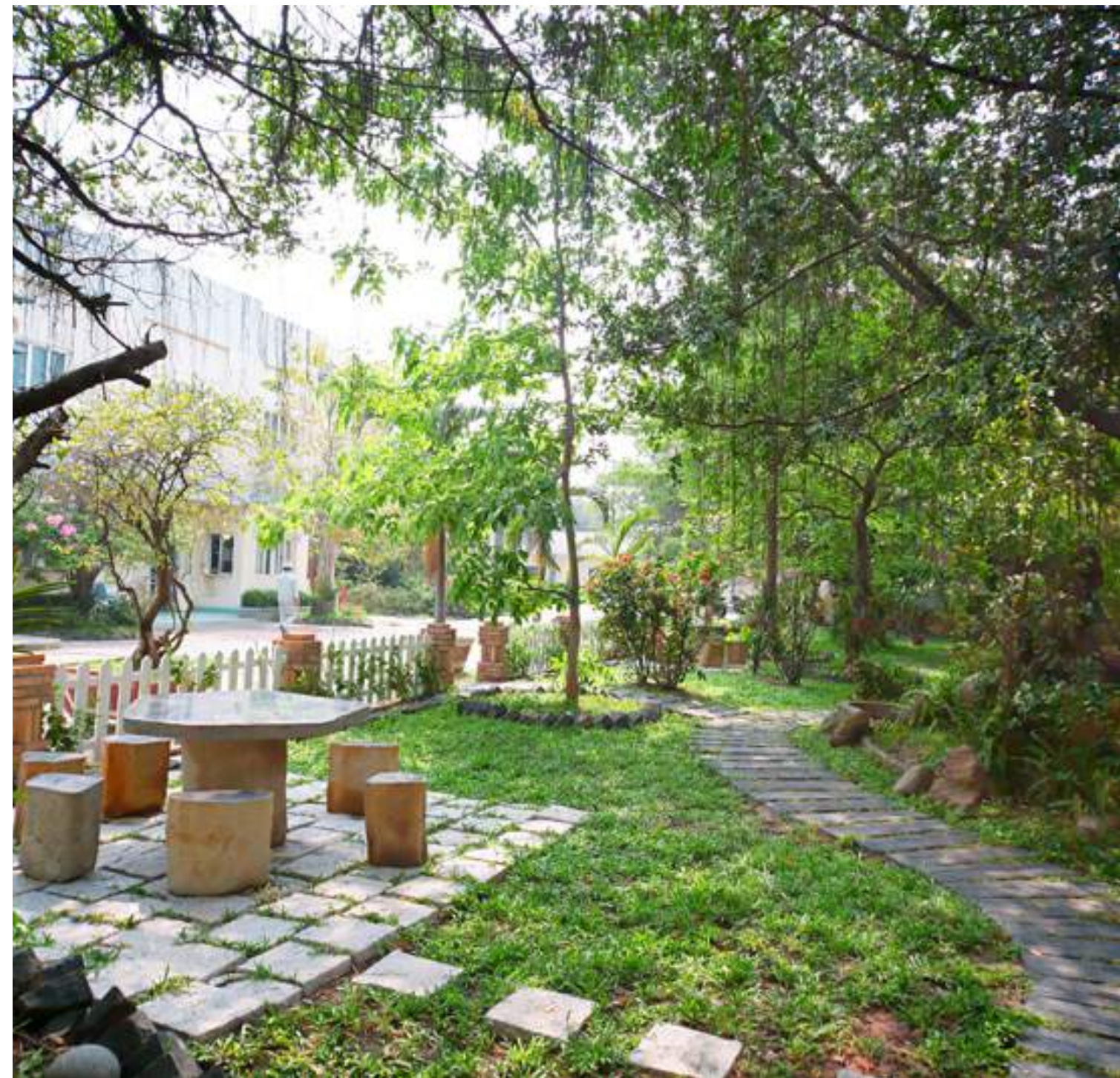
Khí thải

Khí thải phát sinh: 255.894.050 m³;

Khí thải phát sinh tại các đơn vị được thu gom và đưa về hệ thống xử lý khí thải xử lý đạt cột B quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

Quản lý chất lượng

Đặc thù sản xuất của Công ty là sản phẩm của Nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của Nhà máy khác hay sản phẩm khác trong cùng Công ty, chuỗi khép kín này sẽ giúp tiết kiệm chi phí và tăng tính chủ động. Tuy nhiên, nếu sản phẩm đầu vào của Nhà máy có vấn đề về chất lượng sẽ tạo tác động kép đến toàn bộ chuỗi giá trị. Theo đó, Công ty đã chủ động xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cho từng sản phẩm tại từng khâu nhằm giám sát chặt chẽ chất lượng.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu, năng lượng đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Công ty bao gồm: Muối công nghiệp (NaCl), Cát trắng, Lưu huỳnh (S), Phốt pho vàng (P₄), Quặng bô xít, BaCl₂.2H₂O, điện....

Đối với các nguyên liệu sẵn có: Công ty có nguồn cung ứng ổn định là những nhà cung cấp uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty có lợi thế là có công ty con sản xuất phốt pho nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này.



Sản phẩm/ Dịch vụ	Vật liệu thô dùng trong Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng khối lượng/ trọng lượng (ĐVT: Tấn)	Nhà cung cấp	
			Bên ngoài	Nội bộ
NaOH và HCl các loại, Clo lỏng	Muối NaCl (95%)	58.866,00	x	
Natri Silicat các loại	Cat SiO ₂ (95%)	8.543,65	x	
	NaOH (32%)	12.923,08		x
	Javen	27,52		x
Natri hypocloric các loại	Clo khí	3.520,22		x
	NaOH (32%)	14.660,93		x
FeCl ₃ - Sản xuất từ bột Fe ₂ O ₃	Bột oxyt sắt (Fe ₂ O ₃)	846,00	x	
	HCl 35%	2.855,00		x
	HCl 32%	647,00		x
FeCl ₃ - PPSX đi từ dung dịch FeCl ₂	Dung dịch FeCl ₂	5.325,00	x	
	Clo khí	424,00		x
P.A.C 10%	Bột nhôm	4.852,00	x	
và P.A.C-F	HCl 32%	12.620,00		x
ACID SULFURIC	Lưu huỳnh	22.654,00	x	
Phèn nhôm sunfat	Axit Sunfuric	1.957,40		x
	Bột nhôm	1.111,00	x	
ACID PHOSPHORIC	Photpho vàng	529,60	x	
KCl tinh	KCl thô	732,35	x	
Magiê sulfat MgSO ₄ .7H ₂ O	Oxyt Magie (75-85% MgO)	625,70	x	
	Axit sulfuric	1.208,00		x

Sản phẩm/ Dịch vụ	Vật liệu thô dùng trong Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng khối lượng/ trọng lượng (ĐVT: Tấn)	Nhà cung cấp	
			Bên ngoài	Nội bộ
Axit H ₂ SO ₄ tinh khiết PA 97%	Axit H ₂ SO ₄ kỹ thuật	1.212,00		x
Axit H ₃ PO ₄ Thực phẩm 85%	Axit H ₃ PO ₄	518,8		x
NH ₄ OH 220 Be	NH ₃	126,5	x	
	Axit H ₃ PO ₄	196		x
M.A.P các loại	NH ₃	30,21	x	
	Axit H ₃ PO ₄	23		x
NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O	Na ₂ CO ₃ và NaOH	10	x	
	Axit H ₃ PO ₄	4,4		x
M.K.P các loại	K ₂ CO ₃	2,6	x	
	Axit HCl	1.036,80		x
Canxi Clorua các loại	Đá vôi (CaCO ₃)	524,390	x	





Sự phát triển bền vững của doanh nghiệp không thể thiếu đi sự song hành với việc bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất nên ưu tiên hàng đầu của Công ty là sự tuân thủ các yêu cầu luật pháp về vấn đề môi trường. Công ty đề cao việc sử dụng tiết kiệm các loại năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

Công ty không ngừng nghiên cứu, áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường triển khai tại tất cả các nhà máy. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của Luật pháp về an toàn vệ sinh lao động, tạo môi trường lao động theo các quy chuẩn Việt Nam, định kỳ hàng năm quan trắc để đánh giá xác định chất lượng môi trường lao động.

An toàn hóa chất là một phần quan trọng của môi trường lao động, do đó, những năm qua, Công ty hết sức quan tâm đến những yêu cầu của Luật Hóa chất và cụ thể nhất là Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và Thông tư 32/2017/TT-BCT về ứng phó sự cố hóa chất.

Hiện tại, Công ty có 3 đơn vị sản xuất hóa chất, Công ty đã triển khai xây dựng các kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất đối với các cơ sở này. Một trong những hành động cụ thể liên quan đến nhận thức về bảo vệ môi trường của Công ty là việc luôn chủ động nghiên cứu, thực hiện diễn tập thao dượt ứng phó sự cố hóa chất định kỳ. Tổ chức diễn tập nhằm truyền thông cho cộng đồng biết về công tác chuẩn bị cho phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của công ty, đồng thời, Công ty còn thực hiện diễn tập với mục đích chia sẻ những kinh nghiệm với các đơn vị bạn, trong và ngoài Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Công ty xây dựng hệ thống các công trình bảo vệ môi trường, hệ thống thu gom xử lý nước thải, khí thải cũng như xây dựng các kho lưu chứa tạm, quản lý chất thải rắn rất nghiêm ngặt. Các chất thải nguy hại được phân loại ngay từ những tổ sản xuất, rồi đưa vào những kho riêng biệt, định kỳ chuyển đi để xử lý. Đối với nước thải, mỗi nhà máy đều xây dựng trạm xử lý nước cục bộ, rồi đầu nối vào hệ thống nước thải khu công nghiệp để tiếp tục xử lý rồi mới thải ra môi trường. Về công tác quan trắc môi trường Công ty thực hiện theo quy định là 03 tháng 01 lần, các chỉ tiêu quan trắc cho kết quả đều đạt.





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việc áp dụng công nghệ mới, hiện đại đã làm tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của công ty. Sản phẩm có chất lượng vượt trội, định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu giảm. Thiết bị mới có kích thước gọn, chất lượng tốt, điều khiển tự động từ xa... đã tiết kiệm không gian, phát thải sạch, vận hành an toàn. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện việc quản lý theo quy trình của hệ thống quản lý quốc tế tích hợp PAS 99:2006 gồm các hệ thống ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2005. Công ty trang bị phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS đạt tiêu chuẩn quốc gia về phân tích thử nghiệm.

Nước thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn A QCVN 40:2011/ BTNMT hoặc theo quy định của Khu công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải của Khu công nghiệp.

Khí thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn B QCVN 19:2009/ BTNMT trước khi thải ra môi trường.

Chất thải rắn được phân loại và áp dụng cách xử lý theo quy định tại Nghị định 38/2015/ NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu và các Thông tư hướng dẫn liên quan.

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển về kho lưu riêng biệt, đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại.

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2, đồng thời thực hiện đầy đủ công tác theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các chỉ tiêu môi trường.





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. Đồng thời với đó là một môi trường làm việc tiện nghi, an toàn, được đào tạo và hứa hẹn cơ hội thăng tiến phát triển dựa trên hiệu quả và sự đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm. Những khoản phúc lợi được xây dựng dựa trên quan điểm đội ngũ công nhân viên và Công ty luôn mong muốn đảm bảo trách nhiệm của mình đối với người lao động, giúp họ yên tâm đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Công ty luôn chú trọng khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân. Công ty thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào vui chơi, văn nghệ giải trí góp phần tạo mối liên kết bền chặt giữa các nhân viên với nhau. Với những biện pháp đã thực hiện, nguồn nhân sự của Công ty đang được đảm bảo để triển khai các kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

Cùng với việc phát triển Công ty một cách bền vững công ty luôn chú trọng công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động. Đối với công tác an toàn vệ sinh lao động, Công ty trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân lao động một cách tốt nhất, thường xuyên nghiên cứu cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo sức khỏe và môi trường lao động, tăng thu nhập, tiền lương, tiền thưởng để người lao động yên tâm gắn bó.

Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp để bố trí người lao động làm việc hiệu quả nhất, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tham quan, nghỉ dưỡng, các phong trào thể thao, văn hóa văn nghệ nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động được chăm lo.





Số liệu về các hoạt động huấn luyện, đào tạo, chăm sóc sức khỏe CB-CNV năm 2019

Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động:

Nhóm 1: 40 người

Nhóm 2: 7 người

Nhóm 3: 417 người

Nhóm 4: 155 người

Nhóm 5: 3 người

Nhóm 6: 76 người

Huấn luyện về an toàn phòng chống cháy nổ: 12 người

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2019: 577 người

Chi phí thực hiện an toàn, vệ sinh lao động	Số tiền (đồng)
Các biện pháp kỹ thuật an toàn	1.069.948.000 đồng
Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	499.820.000 đồng
Tuyên truyền, huấn luyện	469.222.000 đồng
Chăm sóc sức khỏe người lao động	4.390.138.000 đồng
Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	1.130.508.000 đồng





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Một doanh nghiệp phát triển bền vững phải đi đôi với các giá trị mà doanh nghiệp đó tạo ra cho xã hội, cộng đồng. Theo đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển. Các chương trình từ thiện, tặng quà các gia đình có công với cách mạng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thăm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó vẫn được thực hiện đều đặn hàng năm với những sự đóng góp thiết thực, chân thành để giúp đỡ những trường hợp khó khăn. Đây cũng là dịp để CBCNV, NLĐ vừa có cơ hội thư giãn, tham gia các hoạt động tập thể vừa nâng cao ý thức và trách nhiệm với cộng đồng. Cụ thể như sau:

- Thăm và tặng quà cho trường chuyên biệt Cần Thạnh - huyện Cần Giờ Tp. HCM;
- Tặng 20 suất học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Bình Khánh Tây, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- Tài trợ 400 bao xi măng (tương đương 45 triệu đồng) làm đường bê tông nông thôn tại xã Bình Khánh Tây, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.





"MÙA HÈ XANH" tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.



Hoạt động "VỀ NGUỒN"



07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Phương Đông	Thành viên
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2019)
Ông Lê Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2019)
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2019)
Ông Trịnh Hồng Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2019)
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)
Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2019)
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)

Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban
Ông Lê Tùng Lâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Ủy viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019 là Ông Nguyễn Hữu Thọ – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/10/2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo là Ông Lê Thanh Bình – Tổng Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



Lê Thanh Bình

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Số: 20006/TC-VAE-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, được lập ngày 22 tháng 01 năm 2020, từ trang 06 đến trang 47, Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Huỳnh Văn Dũng

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

Au Dương Uyển Phần

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2018-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		741.643.916.688	883.212.350.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	154.417.016.880	169.936.186.689
1. Tiền	111		79.417.016.880	55.936.186.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	114.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	80.000.000.000	230.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.000.000.000	230.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.061.886.076	158.600.713.683
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	180.331.852.995	152.184.749.847
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.436.966.208	16.569.597.561
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.a	6.533.479.889	7.936.748.515
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.	(12.240.413.016)	(18.090.382.240)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6.	282.726.403.253	296.308.557.311
1. Hàng tồn kho	141		282.726.403.253	296.308.557.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.438.610.479	28.366.892.974
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.a	1.861.576.903	1.209.340.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.246.273.260	26.918.009.448
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.b	330.760.316	239.542.826
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		523.350.637.991	244.580.660.210
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.212.256.439	2.473.131.988
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.b	2.212.256.439	2.473.131.988
II. Tài sản cố định	220		148.748.838.812	61.980.860.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	145.910.743.693	60.224.888.858
- Nguyên giá	222		978.051.878.492	883.420.903.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(832.141.134.799)	(823.196.014.956)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9.	2.838.095.119	1.755.971.381
- Nguyên giá	228		5.630.360.256	3.313.800.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.792.265.137)	(1.557.828.875)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7.	6.878.897.592	90.202.046.606
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.878.897.592	90.202.046.606
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		365.510.645.148	89.924.621.377
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.b	365.510.141.062	89.924.621.377
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		504.086	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.264.994.554.679	1.127.793.010.867

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
(tiếp theo)				
Đơn vị tính: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		329.247.132.239	285.376.358.757
I. Nợ ngắn hạn	310		217.286.654.427	238.256.915.945
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	17.807.524.458	85.251.561.372
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.337.575.532	2.381.434.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.a	24.221.584.529	9.579.747.090
4. Phải trả người lao động	314		28.958.663.899	41.057.200.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	5.511.331.464	3.301.363.909
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	5.251.583.300	1.968.219.948
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	92.268.046.969	50.078.403.015
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16.	9.617.248.811	8.647.248.811
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.313.095.465	35.991.737.266
II. Nợ dài hạn	330		111.960.477.812	47.119.442.812
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	111.960.477.812	47.119.442.812
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		935.747.422.440	842.416.652.110
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	935.747.422.440	842.416.652.110
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.506.484	9.506.484
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.951.530.000	22.951.530.000
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		268.925.267.106	192.207.914.549
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.949.121.722	11.949.121.722
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		187.099.502.910	175.705.619.135
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.152.899.704	32.114.428.700
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		155.946.603.206	143.591.190.435
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.225.687.496	23.006.153.498
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.264.994.554.679	1.127.793.010.867

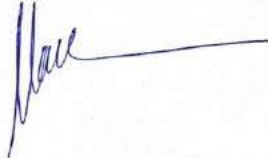
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp

Lê Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
Năm 2019				
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.566.274.193.137	1.588.026.545.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.566.274.193.137	1.588.026.545.984
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.124.901.180.975	1.164.530.331.065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		441.373.012.162	423.496.214.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	17.898.601.449	27.016.152.491
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	12.644.653.673	5.896.567.853
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.475.843.158	5.486.748.062
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	70.193.304.825	71.404.414.641
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	61.700.442.063	65.079.155.717
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		314.733.213.050	308.132.229.199
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	1.579.161.517	13.201.774.200
13. Chi phí khác	32	VI.6.	1.709.975.823	2.796.449.927
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(130.814.306)	10.405.324.273
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		314.602.398.744	318.537.553.472
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	63.458.894.153	64.282.069.523
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(504.086)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		251.144.008.677	254.255.483.949
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		245.646.603.206	252.391.190.435
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.497.405.471	1.864.293.514
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	5.028	5.232

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp

Lê Thanh Bình



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
(Theo phương pháp gián tiếp)				
Năm 2019				
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		314.602.398.744	318.537.553.472
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		32.447.407.847	25.519.931.090
- Các khoản dự phòng	03		(4.879.969.224)	(3.479.694.825)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.184.021	(62.139.514)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.594.539.360)	(27.360.565.999)
- Chi phí lãi vay	06		11.475.843.158	5.486.748.062
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		338.114.325.186	318.641.832.286
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.204.939.011)	34.886.693.937
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.582.154.058	(102.247.555.497)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(70.221.884.394)	39.152.619.238
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(273.128.535.628)	(85.622.908.800)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.297.621.138)	(5.588.168.788)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(54.735.531.938)	(69.170.146.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	11.730.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(28.491.285.663)	(23.152.761.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(119.383.318.528)	106.911.333.938
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.316.915.788)	(97.507.802.769)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.452.272.727	3.371.818.180
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(190.000.000.000)	(280.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		340.000.000.000	150.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.972.498.220	24.054.780.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		134.107.855.159	(200.081.203.629)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		492.334.525.995	589.626.494.193
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(385.346.347.315)	(617.234.813.676)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(137.230.586.096)	(194.527.734.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.242.407.416)	(222.136.053.975)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
(Theo phương pháp gián tiếp)				
Năm 2019				
(tiếp theo)				
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(15.517.870.785)	(315.305.923.666)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		169.936.186.689	485.243.734.579
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.299.024)	(1.624.224)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	154.417.016.880	169.936.186.689

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp

Lê Thanh Bình



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)	
I.	Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
1.	Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446260 thay đổi lần thứ 9 ngày 05/02/2016 và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 16/05/2019.	
Vốn điều lệ của Công ty là: 442.000.000.000 VND (Bốn trăm bốn mươi hai tỷ đồng)	
Trong đó Nhà nước góp 287.310.000.000 VND, chiếm 65,00 %.	
Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CSV.	
2.	Lĩnh vực kinh doanh
Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất và kinh doanh hóa chất.	
3.	Ngành nghề kinh doanh
- Sản xuất hóa chất cơ bản Chi tiết: sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại TP. Hồ Chí Minh).	
- Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở); Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).	
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.	
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.	
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).	
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở).	
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM		Mẫu số B 09 - DN/HN
22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP.HCM		(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019		
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)		
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng: vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển). - Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh) - Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại, sửa chữa và bảo dưỡng đường ống, sửa chữa hàng cơ động. - Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan; sửa chữa van, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe. - Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt, sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi; sửa chữa và bảo dưỡng các rơ le và bộ điều khiển công nghiệp; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị điện chiếu sáng; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện. - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất. - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: Các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.		
Trụ sở Công ty tại: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP.HCM		
4.	Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường	
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.		
5.	Cấu trúc doanh nghiệp	
Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:		
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam		
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, Thị trấn Tăng Loóng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.		
- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng		
- Tỷ lệ vốn góp: 65,05%		
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,05%		
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,05%		
Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty CP Phốt Pho Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC với ý kiến chấp nhận toàn phần.		
6.	Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính	
Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.		

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM		Mẫu số B 09 - DN/HN
22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP.HCM		(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019		
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)		
II.	Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	
1.	Kỳ kế toán	
Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.		
2.	Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.		
III.	Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng	
1.	Chế độ kế toán áp dụng	
Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.		
2.	Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán	
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.		
IV.	Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu	
1.	Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính	
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.		
Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.		
Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.		
Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.		
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là không quá 3 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TM nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TM nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TM nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TM nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, phần mềm máy vi tính, và TSCĐ vô hình khác.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Phần mềm máy vi tính	02 - 10
TSCĐ vô hình khác	03 - 10

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí của dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa, dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350, dự án đầu tư hệ thống chỉnh lưu 20KA/520VDC và các dự án khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, phí sử dụng hạ tầng KCN Nhơn Trạch, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Phí sử dụng hạ tầng khu đất thuê tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 37 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và các công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Lào Cai.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí vận chuyển, chi phí thuê tài sản, chi phí tiền điện, chi phí lãi vay phải trả và các chi phí khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng phải trả tiền thuê đất, dự phòng chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, dự phòng phải trả thuế TNDN và TNCN, và dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của Thông tư 86/2016/TT/BTC ngày 20/06/2016 của Bộ Tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá (hóa chất), và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% và 10% đối với các lô hàng hàng khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.023.284.194	1.111.211.734
Tiền gửi ngân hàng	77.393.732.686	54.824.974.955
Tiền gửi VND	72.887.110.368	54.467.840.278
Tiền gửi ngoại tệ (USD và EUR)	4.506.622.318	357.134.677
Các khoản tương đương tiền	75.000.000.000	114.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	75.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN HCM	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Lào Cai	-	4.000.000.000
Cộng	154.417.016.880	169.936.186.689

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 5,00%/năm đến 5,50%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	80.000.000.000	80.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	80.000.000.000	80.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	50.000.000.000	50.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	30.000.000.000	30.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 6,20%/năm đến 6,40%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	Ngắn hạn	180.331.852.995	(12.240.413.016)	152.184.749.847	(18.090.382.240)
a1)	Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	148.431.501.341	(2.226.734.466)	126.747.239.627	(2.053.150.290)
	Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	26.676.336.500	-	13.188.418.760	-
	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Ý Cường	20.429.458.400	-	7.504.346.800	-
	Công ty Ajinomoto Việt Nam	13.223.947.882	-	14.540.408.522	-
	Công ty CP Hóa chất Và Môi trường An Phú	9.450.713.450	-	11.040.142.100	-
	Công ty CP Bột Giặt NET	7.787.790.670	-	3.475.445.710	-
	Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	5.911.440.600	-	5.539.927.250	-
	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	5.622.931.683	-	3.022.357.690	-
	Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Aureole Mitani	5.016.859.100	-	6.610.758.550	-
	Các đối tượng khác	54.312.023.056	(2.226.734.466)	61.825.434.245	(2.053.150.290)
a2)	Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam	31.900.351.654	(10.013.678.550)	25.437.510.220	(16.037.231.950)
	Kunming Taijin Commercial & Trade Limited Company	10.013.678.550	(10.013.678.550)	18.102.397.150	(16.037.231.950)
	Sandeep Organics Private Limited Company	925.971.480	-	2.669.539.950	-
	Hindustan Phosphates Private Limited Company	1.967.252.616	-	3.220.953.120	-
	Aim Chemicals and Ingredients	3.703.885.920	-	-	-
	Công ty CP Victory	5.715.283.200	-	-	-
	Các đối tượng khác	9.574.279.888	-	1.444.620.000	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Phải thu khác		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	Ngắn hạn	6.533.479.889	-	7.936.748.515	-
	Bảo hiểm xã hội	30.806.442	-	4.337.672	-
	Tạm ứng	94.948.836	-	147.476.159	-
	Ký cược, ký quỹ	19.500.000	-	19.500.000	-
	Phải thu về dự lãi tiền gửi	1.902.712.329	-	4.308.821.917	-
	Phải thu khác	4.485.512.282	-	3.456.612.767	-
b)	Dài hạn	2.212.256.439	-	2.473.131.988	-
	Ký cược, ký quỹ	2.212.256.439	-	2.473.131.988	-
	Cộng	8.745.736.328	-	10.409.880.503	-

5. Nợ xấu		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
Phải thu khách hàng					
	Công ty CP Quốc tế JBI Chem Cà Mau (*)	187.420.000		187.420.000	
	Công ty TNHH TM - DV & SX Casanova (*)	180.000.000		180.000.000	
	DNTN Tân Trường An (*)	612.162.100		612.162.100	
	Công ty TNHH Phúc An Yên Bình (*)	1.077.385.950		1.077.385.950	
	Công ty TNHH SX TM Tư vấn Đầu tư Thiên Lộc	-		9.919.800	
	Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (*)	80.524.880		80.524.880	
	Công ty CP LAVIFOOOD (*)	226.798.000		-	
	Kunming Taijin Commercial & Trade Limited Company	10.013.678.550	-	18.102.397.150	2.065.165.200
	Cộng	12.377.969.480		20.249.809.880	

(*) Tại ngày 31/12/2019, không có thông tin về giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Hàng tồn kho		31/12/2019		01/01/2019	
		VND		VND	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Hàng mua đang đi đường	1.549.027.668	-	37.361.306.234	-
	Nguyên liệu, vật liệu	198.167.090.521	-	177.960.291.807	-
	Công cụ, dụng cụ	4.295.195.834	-	2.458.880.590	-
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.338.714.598	-	4.289.487.504	-
	Thành phẩm	68.706.762.958	-	63.678.753.536	-
	Hàng hoá	364.327.153	-	193.491.960	-
	Hàng gửi đi bán	6.305.284.521	-	10.366.345.680	-
	Cộng	282.726.403.253	-	296.308.557.311	-

7.	Tài sản dở dang dài hạn		
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
	Xây dựng cơ bản dở dang	6.878.897.592	90.202.046.606
	- Dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa	60.000.000	60.000.000
	- Dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350	5.321.019.410	90.050.228.424
	- Dự án đầu tư hệ thống chỉnh lưu 20KA/520VDC	91.818.182	91.818.182
	- Phần mềm FAST	1.406.060.000	-
	Cộng	6.878.897.592	90.202.046.606

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8.	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VND
		Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
	Nguyên giá							
	Số dư ngày 01/01/2019		189.864.082.755	662.991.467.258	24.031.751.048	6.533.602.753	883.420.903.814	
	Mua trong kỳ		51.978.792	736.198.000	1.023.386.364	228.966.000	2.040.529.156	
	Đầu tư XDCB hoàn thành		3.959.263.677	110.026.064.083	1.048.604.546	1.101.353.340	116.135.285.646	
	Tăng khác (*)		-	675.408.622	-	-	675.408.622	
	Thanh lý, nhượng bán		(9.979.809.680)	(14.071.620.274)	-	(168.818.792)	(24.220.248.746)	
	Số dư ngày 31/12/2019		183.895.515.544	760.357.517.689	26.103.741.958	7.695.103.301	978.051.878.492	
	Giá trị hao mòn lũy kế							
	Số dư ngày 01/01/2019		177.309.384.915	620.908.463.134	20.378.974.160	4.599.192.747	823.196.014.956	
	Khấu hao trong kỳ		2.659.544.284	26.612.333.401	1.820.778.712	686.337.240	31.778.993.637	
	Tăng khác (*)		-	6.013.912	-	-	6.013.912	
	Thanh lý, nhượng bán		(8.603.083.721)	(14.071.620.274)	-	(165.183.711)	(22.839.887.706)	
	Số dư ngày 31/12/2019		171.365.845.478	633.455.190.173	22.199.752.872	5.120.346.276	832.141.134.799	
	Giá trị còn lại							
	Tại ngày 01/01/2019		12.554.697.840	42.083.004.124	3.652.776.888	1.934.410.006	60.224.888.858	
	Tại ngày 31/12/2019		12.529.670.066	126.902.327.516	3.903.989.086	2.574.757.025	145.910.743.693	

(*) Giá trị tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.15, Công ty đã thể chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.483.222.634 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 11.717.178.099 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 749.887.158.327 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 715.621.132.960 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9.	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình				Đơn vị tính: VND
		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TCSĐ vô hình khác	Cộng
	Nguyên giá				
	Số dư ngày 01/01/2019	1.755.971.381	557.828.875	1.000.000.000	3.313.800.256
	Mua trong kỳ	-	464.250.000	-	464.250.000
	Tăng khác (*)	-	1.852.310.000	-	1.852.310.000
	Số dư ngày 31/12/2019	1.755.971.381	2.874.388.875	1.000.000.000	5.630.360.256
	Giá trị hao mòn lũy kế				
	Số dư ngày 01/01/2019	-	557.828.875	1.000.000.000	1.557.828.875
	Khấu hao trong kỳ	-	668.414.210	-	668.414.210
	Tăng khác (*)	-	566.022.052	-	566.022.052
	Số dư ngày 31/12/2019	-	1.792.265.137	1.000.000.000	2.792.265.137
	Giá trị còn lại				
	Tại ngày 01/01/2019	1.755.971.381	-	-	1.755.971.381
	Tại ngày 31/12/2019	1.755.971.381	1.082.123.738	-	2.838.095.119
	(*) Giá trị tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.				
	Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết là 1.557.828.875 VND, trong đó:				
	- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 557.828.875 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 557.828.875 VND).				
	- Tài sản cố định vô hình khác là quyền khai thác mỏ tại Mỏ Boxit Lâm Đồng với nguyên giá là 1.000.000.000 VND đã hết thời hạn khai thác.				
	Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.775.971.381 VND.				
10.	Chi phí trả trước				
			31/12/2019	01/01/2019	
			VND	VND	
a)	Ngắn hạn		1.861.576.903	1.209.340.700	
	Chi phí bảo hiểm		1.109.903.992	975.774.410	
	Chi phí công cụ dụng cụ		484.047.484	151.132.336	
	Phần mềm vi tính		170.319.334	-	
	Các khoản khác		97.306.093	82.433.954	
b)	Dài hạn		365.510.141.062	89.924.621.377	
	Chi phí công cụ dụng cụ		691.309.488	860.941.563	
	Phần mềm vi tính		-	744.812.000	
	Chi phí sửa chữa lớn		989.611.754	1.363.222.374	
	Chất xúc tác		-	637.939.130	
	Tiền thuê đất và chi phí sử dụng hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch (**)		363.824.924.189	86.303.743.784	
	Chi phí trả trước dài hạn khác		4.295.631	13.962.526	
	Cộng		367.371.717.965	91.133.962.077	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(**) Tiền thuê đất và chi phí sử dụng hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch thể hiện giá trị đất thuê 180.036 m2, có thời hạn thuê đến ngày 01/06/2055, được Công ty sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM.

11. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	17.807.524.458	17.807.524.458	85.251.561.372	85.251.561.372
<i>Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</i>	10.861.156.235	10.861.156.235	48.779.275.295	48.779.275.295
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.349.686.800	1.349.686.800	487.607.450	487.607.450
Công ty TNHH Thanh Hà Vina	785.235.000	785.235.000	1.159.033.502	1.159.033.502
Công ty Cổ phần Plasma Việt Nam	521.074.400	521.074.400	-	-
Công ty TNHH Lê Phú Cường	414.491.000	414.491.000	-	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Văn Phát	443.520.000	443.520.000	-	-
Thyssenkrupp Uhde Chlorine Engineers (Italia) S.R.L	-	-	2.760.519.400	2.760.519.400
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thủy Long	-	-	1.335.307.990	1.335.307.990
Đối tượng khác	7.347.149.035	7.347.149.035	43.036.806.953	43.036.806.953
<i>Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</i>	6.946.368.223	6.946.368.223	36.472.286.077	36.472.286.077
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	4.167.624.430	4.167.624.430	31.425.535.436	31.425.535.436
Các đối tượng khác	2.778.743.793	2.778.743.793	5.046.750.641	5.046.750.641
Cộng	17.807.524.458	17.807.524.458	85.251.561.372	85.251.561.372

b) Phải trả người bán là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2019
a) Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	268.687.818	52.434.100.871	49.611.401.133	3.091.387.556
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.951.072.613	14.951.072.613	
Thuế xuất nhập khẩu	-	29.524.380.215	29.524.380.215	
Thuế TNDN	8.774.586.811	64.539.074.737	54.735.531.938	18.578.129.610
Thuế TNCN	536.472.461	12.477.725.807	10.511.852.878	2.502.345.390
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.479.247.415	6.479.247.415	
Thuế bảo vệ môi trường	-	432.733.005	383.011.032	49.721.973
Các loại thuế khác	-	1.525.185.759	1.525.185.759	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.115.283.878	1.115.283.878	
Cộng	9.579.747.090	183.478.804.300	168.836.966.861	24.221.584.529
b) Phải thu				
Thuế GTGT	-	-	206.743.351	206.743.351
Thuế TNCN	239.542.826	115.525.861	-	124.016.965
Cộng	239.542.826	115.525.861	206.743.351	330.760.316

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Ngắn hạn		5.511.331.464	3.301.363.909
<i>Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</i>		4.601.885.460	727.065.364
Chi phí lãi vay phải trả	329.900.059	159.977.939	
Trích trước chi phí vận chuyển	3.991.562.180	237.600.000	
Trích trước tiền thuê tài sản	-	109.090.909	
Trích trước chi phí khác	280.423.221	220.396.516	
<i>Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</i>		909.446.004	2.574.298.545
Chi phí tiền điện	667.261.613	2.412.901.440	
Chi phí hoa hồng	158.056.920	64.171.800	
Chi phí lãi vay	15.945.653	7.645.753	
Chi phí phải trả khác	68.181.818	89.579.552	
Cộng	5.511.331.464	3.301.363.909	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Phải trả khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	596.979.462	580.158.638
Bảo hiểm xã hội	24.552.470	213.093.029
Bảo hiểm y tế	18.048.391	24.260.746
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.011.753.333	595.449.208
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	148.655.000	359.241.096
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.451.594.644	196.017.231
Cộng	5.251.583.300	1.968.219.948

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm				31/12/2019	
	VND				VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	50.078.403.015	50.078.403.015	428.426.704.073	386.237.060.119	92.268.046.969	92.268.046.969
Vay ngắn hạn	48.071.203.015	48.071.203.015	419.243.504.073	384.229.860.119	83.084.846.969	83.084.846.969
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (1)	15.464.475.000	15.464.475.000	119.452.096.449	106.149.505.186	28.767.066.263	28.767.066.263
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	12.586.894.980	12.586.894.980	86.038.465.403	98.625.360.383	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (2)	-	-	29.466.554.630	-	29.466.554.630	29.466.554.630
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Lào Cai (3)	5.669.873.910	5.669.873.910	78.360.501.613	72.034.217.683	11.996.157.840	11.996.157.840
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Lào Cai (4)	-	-	84.391.862.768	78.453.485.359	5.938.377.409	5.938.377.409
Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Lào Cai (5)	10.772.500.085	10.772.500.085	20.364.511.060	26.868.741.645	4.268.269.500	4.268.269.500
Vay đối tượng khác (6)	3.577.459.040	3.577.459.040	1.169.512.150	2.098.549.863	2.648.421.327	2.648.421.327
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.007.200.000	2.007.200.000	9.183.200.000	2.007.200.000	9.183.200.000	9.183.200.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (7)	2.007.200.000	2.007.200.000	9.183.200.000	2.007.200.000	9.183.200.000	9.183.200.000
b) Dài hạn	47.119.442.812	47.119.442.812	74.024.235.000	9.183.200.000	111.960.477.812	111.960.477.812
Vay dài hạn	47.119.442.812	47.119.442.812	74.024.235.000	9.183.200.000	111.960.477.812	111.960.477.812
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (7)	47.119.442.812	47.119.442.812	74.024.235.000	9.183.200.000	111.960.477.812	111.960.477.812
Cộng	97.197.845.827	97.197.845.827	502.450.939.073	395.420.260.119	204.228.524.781	204.228.524.781

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/93332/HĐTD ngày 03/10/2019.
- Hạn mức cấp tín dụng: 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
 - Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2020
 - Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.
 - Tài sản đảm bảo:
Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2014/93332/HĐTC ngày 21/02/2014 được ký giữa Công ty và Ngân hàng (Dự án đầu tư Bồn chứa hóa chất nguyên liệu và thành phẩm tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa).
 - Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/2010/HĐ-9332 ngày 24/11/2010 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐ-93332-PL01 ngày 19/08/2013 được ký giữa Công ty với Ngân hàng (Dự án mở rộng kho bồn chứa hóa chất Gò Dầu A lên 10.000m3).
 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/93332-HĐTC ngày 10/05/2013 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/93332/SĐBS ngày 13/11/2018 được ký giữa Công ty với Ngân hàng (Dự án xút NaOH 30.000 tấn tại Nhà máy HC Biên Hòa - Đồng Nai).
 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/93332/HĐBĐ ngày 12/06/2018 được ký giữa Công ty và Ngân hàng (Dự án Thiết bị lè năm 2015 và Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2).
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/93332-HĐĐB ngày 04/04/2019 được ký giữa Công ty và Ngân hàng (Dự án Thanh toán tiền thuê đất tại KCN Nhơn Trạch 6).
- (2) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/062019/HĐTD/HCCBMN ngày 26/11/2019.
- Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng).
 - Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, phát hành thư tín dụng trả ngay, trả chậm.
 - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng
 - Thời hạn rút vốn: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá thời hạn hết hạn của hạn mức.
 - Thời hạn phát hành L/C: được xác định theo L/C được phát hành nhưng tối đa không quá 06 tháng
 - Lãi suất cho vay: được điều chỉnh tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, theo từng kỳ hạn trả lãi và căn cứ vào Công thức điều chỉnh lãi suất quy định trong hợp đồng.
 - Tài sản đảm bảo: cấp tín dụng không có đảm bảo bằng tài sản
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Lào Cai
- Hạn mức: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng).
 - Lãi suất: thả nổi
 - Hình thức đảm bảo: bất động sản
 - Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019: 516.408 USD - quy đổi VND: 11.996.157.840 VND.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Lào Cai
- Hạn mức: 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng).
 - Lãi suất: thả nổi
 - Hình thức đảm bảo: hàng tồn kho, quyền tài sản theo các hợp đồng thế chấp
 - Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019: 255.667 USD - quy đổi VND: 5.938.377.409 VND.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Lào Cai
- Hạn mức: 45.000.000.000 VND (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Lãi suất: thả nổi
 - Hình thức đảm bảo: hàng tồn kho luân chuyển; hợp đồng tiền gửi, ký quỹ, phương tiện máy móc
 - Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019: 183.700 USD - quy đổi VND: 4.268.269.500 VND.
- (6) Khoản vay các đối tượng khác theo các giấy xác nhận huy động vốn với lãi suất là 5,5%/năm, kỳ hạn 3 tháng.
- (7) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả và khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo 03 hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 03/2016/93332/HĐTD ngày 07/06/2016
- Số tiền vay: 10.060.000.000 VND (Mười tỷ sáu mươi triệu đồng).
 - Mục đích vay: đầu tư mua sắm thiết bị lè năm 2015 và đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.
 - Thời hạn rút vốn: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Kỳ hạn trả nợ: thanh toán nợ gốc theo lịch trả nợ quy định tại Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2016/93332/HĐTD/PL.02 ngày 20/10/2017.
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ tương lai số 02/2016/93332/HĐBĐ ngày 07/06/2016 và các Hợp đồng /Phụ lục hợp đồng phát sinh sau này (nếu có).
 - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2019: 3.512.594.012 VND
- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/93332/HĐTD ngày 06/06/2016
- Số tiền vay: 86.600.000.000 VND (Tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng).
 - Mục đích vay: Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa, Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai.
 - Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.
 - Thời hạn rút vốn: 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Thời hạn ân hạn khoản vay: 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ tương lai số 01/2016/93332/HĐBĐ ngày 06/06/2016 và các Hợp đồng /Phụ lục hợp đồng phát sinh sau này.
 - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2019: 52.631.083.800 VND
- Hợp đồng tín dụng số 05/2016/93332/HĐTD ngày 12/07/2016 và phụ lục 01 ngày 25/01/2019
- Số tiền vay: 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng).
 - Mục đích vay: Thanh toán tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6.
 - Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.
 - Kỳ trả nợ đầu tiên được tính từ tháng 15 kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Thời hạn ân hạn khoản vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ tương lai số 03/2016/93332/HĐBĐ ngày 12/07/2016, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/93332/HĐBĐ ngày 04/04/2019, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 172254 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/06/2018, Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐTĐ-NT6C/VLXDSG-HCCB ngày 04/05/2018 và các Phụ lục kèm theo.
 - Giá trị tài sản đảm bảo: 160.460.000.000 VND (Một trăm sáu mươi tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng) theo Biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp ngày 04/04/2019.
 - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2019: 65.000.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. Dự phòng phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả tiền thuê đất (*)	6.972.870.711	6.972.870.711
Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	2.644.378.100	1.674.378.100
Cộng	9.617.248.811	8.647.248.811

(*) Tổng Công ty Sonadezi đã gửi công văn số 732/SNZ-KT ngày 27/09/2017 về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất tại khu công nghiệp Biên Hòa I. Theo đó, Tổng Công ty Sonadezi và Công ty sẽ ký kết phụ lục hợp đồng nhằm xác định khoản tiền thuê đất phải thanh toán theo đơn giá mới từ 01/01/2006 đến thời hạn di dời theo quy định. Tổng số tiền thuê đất truy thu theo đơn giá mới từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 11.378.211.401 VND. Trong năm 2018, Công ty đã thanh toán 4.404.843.092 VND và hoàn nhập dự phòng với giá trị 497.598 VND.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty và Tổng Công ty Sonadezi vẫn chưa ký kết phụ lục hợp đồng mới điều chỉnh đơn giá thuê đất giai đoạn 2006 - 2013. Do đó, Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận khoản phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
							Tổng cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2018	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	116.925.568.549	11.949.121.722	225.476.054.767	793.898.588.244
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	232.391.190.435	232.391.190.435
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (quỹ đầu tư phát triển)	-	-	-	-	75.282.346.000	-	(75.282.346.000)	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-	-	-	-	(40.914.042.000)	(40.914.042.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(185.640.000.000)	(185.640.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(325.238.067)	(325.238.067)
Số dư tại ngày 31/12/2018	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	192.207.914.549	11.949.121.722	175.705.619.135	819.410.498.612
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	-	245.646.603.206	245.646.603.206
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2018 (quỹ đầu tư phát triển)	-	-	-	-	76.717.352.557	-	(76.717.352.557)	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2018 (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-	-	-	-	(582.960.681)	(582.960.681)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	-	-	(70.720.000.000)	(70.720.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	3.984.722.334	3.984.722.334
Tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2019 (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-	-	-	-	(23.400.000.000)	(23.400.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	-	(66.300.000.000)	(66.300.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(517.128.527)	(517.128.527)
Số dư tại ngày 31/12/2019	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	268.925.267.106	11.949.121.722	187.099.502.910	907.521.734.944

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	287.310.000.000
Vietnam Investment Property Holdings Limited	28.988.040.000	30.378.940.000
Vietnam Enterprise Limited	18.294.200.000	17.794.200.000
Các cổ đông khác	107.407.760.000	106.516.860.000
Cộng	442.000.000.000	442.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	442.000.000.000	442.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	442.000.000.000	442.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	137.020.000.000	185.640.000.000

17.4 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	44.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

17.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	192.207.914.549	76.717.352.557	-	268.925.267.106
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.949.121.722	-	-	11.949.121.722
Cộng	204.157.036.271	76.717.352.557	-	280.874.388.828

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại:	31/12/2019	01/01/2019
USD	194.831,55	14.417,59
EUR	174,25	884,38

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.454.932.938.800	1.454.436.857.010
Doanh thu bán hàng hóa	104.798.315.671	127.337.270.833
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.542.938.666	6.252.418.141
Cộng	1.566.274.193.137	1.588.026.545.984

b) Doanh thu đối với các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.038.210.705.794	1.066.677.134.812
Giá vốn của hàng hóa đã bán	90.391.472.239	94.882.107.005
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	377.066.229	7.493.559.697
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(430.623.657)
Các khoản điều chỉnh giá vốn hàng bán	(4.078.063.287)	(4.091.846.792)
Cộng	1.124.901.180.975	1.164.530.331.065

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.557.310.854	24.545.505.654
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.340.855.426	2.328.158.166
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	435.169	142.488.671
Cộng	17.898.601.449	27.016.152.491

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.475.843.158	5.486.748.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	726.318.935	329.470.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	442.491.580	80.349.157
Cộng	12.644.653.673	5.896.567.853

5. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ thu hồi phế liệu	330.240.327	459.926.925
Tiền vi phạm hợp đồng thu được	275.667.684	18.831.648
Bồi thường giải phóng mặt bằng	936.025.000	9.807.691.758
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	37.228.506	2.815.060.345
Thu nhập khác	-	100.263.524
Cộng	1.579.161.517	13.201.774.200

6. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	28.500.000	418.207.213
Tiền thuế GTGT không đủ điều kiện khấu trừ	-	1.308.109.644
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính, truy thu thuế	1.180.885.731	406.552.649
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	-	612.724.920
Chi phí trong giai đoạn ngừng sản xuất	500.590.092	-
Chi phí khác	-	50.855.501
Cộng	1.709.975.823	2.796.449.927

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	70.193.304.825	71.404.414.641
Chi phí nhân viên	4.387.342.044	3.784.395.988
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	2.961.485.613	5.219.874.344
Chi phí khấu hao TSCĐ	518.004.742	754.523.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.437.470.034	56.953.356.908
Chi phí bằng tiền khác	3.889.002.392	4.692.263.573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	61.700.442.063	65.079.155.717
Chi phí nhân viên quản lý	23.779.367.036	22.845.101.535
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.043.276.621	1.876.799.463
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.675.436.651	1.665.133.320
Thuế, phí và lệ phí	5.513.915.163	6.903.915.168
Chi phí dự phòng	183.503.976	3.620.653.870
Hoàn nhập dự phòng	(6.033.473.200)	(2.546.332.768)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.939.235.899	14.851.147.268
Chi phí bằng tiền khác	15.599.179.917	15.862.737.861
Cộng	131.893.746.888	136.483.570.358

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	494.221.469.694	533.131.514.608
Chi phí nhân công	177.729.134.064	179.877.345.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.300.960.504	25.519.931.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.026.082.168	341.159.421.872
Chi phí bằng tiền khác	149.624.930.302	145.722.691.303
Cộng	1.201.902.576.732	1.225.410.904.707

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	63.458.894.153	64.282.069.523
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	63.458.894.153	64.282.069.523

10. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	245.646.603.206	252.391.190.435
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(23.400.435.169)	(21.125.449.352)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(23.400.435.169)	(21.125.449.352)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(23.400.000.000)	(20.982.960.681)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(435.169)	(142.488.671)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	222.246.168.037	231.265.741.083
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	5.028	5.232

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2018 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2019 của Công ty.
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019 được là số liệu theo tờ trình được Tổng Giám đốc duyệt ngày 16/01/2020.

(**) Do trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 Công ty đã tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp thường niên khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Cụ thể như sau:

	Năm 2018		Năm 2018
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	252.391.190.435	-	252.391.190.435
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(20.542.488.671)	(582.960.681)	(21.125.449.352)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.542.488.671)	(582.960.681)	(21.125.449.352)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(20.400.000.000)	(582.960.681)	(20.982.960.681)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(142.488.671)	-	(142.488.671)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	231.848.701.764	(582.960.681)	231.265.741.083
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000		44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.245		5.232

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	492.334.525.995	589.626.494.193

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	385.346.347.315	617.234.813.676

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Bột giặt NET	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Bột giặt LIX	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	Thành viên cùng Tập đoàn

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty CP Bột giặt NET	37.064.973.600	42.169.785.000
Công ty CP Bột giặt LIX	23.837.141.000	7.882.861.500
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	18.823.062.300	18.912.165.900
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	2.188.284.000	9.419.553.400
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	22.000.000	16.350.000
Công ty CP Công nghiệp Cao su miền Nam	3.200.000	-

Mua hàng		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.525.445.454	1.373.809.091
Công ty CP Phân bón Miền Nam	1.070.256.000	1.129.260.000
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	68.319.500	61.033.500
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	1.782.000.000	1.603.800.000

Trả cổ tức		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	89.066.100.000	120.670.200.000

c) Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	319.083.600	325.218.300
Công ty CP Bột giặt NET	7.787.790.670	3.475.445.710
Công ty CP Bột giặt LIX	2.484.285.100	1.393.196.750
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	1.132.849.300	2.207.169.580

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Miền Nam	-	1.242.186.000	
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	3.644.300	8.898.450	
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	-	588.060.000	
d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị			
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:			
	Năm 2019	Năm 2018	
	VND	VND	
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	5.080.574.640	6.098.815.684	
Cộng	5.080.574.640	6.098.815.684	
3. Báo cáo bộ phận			
a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh			
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp hóa chất và kinh doanh sản phẩm hóa chất. Các thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả kinh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động sản xuất chính của Công ty.			
b) Bộ phận theo khu vực địa lý			
Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.			
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019			
	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	
	VND	VND	
Tài sản			
Tài sản bộ phận	1.184.279.961.100	124.704.257.661	(43.989.664.082)
Tổng tài sản hợp nhất	1.184.279.961.100	124.704.257.661	(43.989.664.082)
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	287.478.057.689	43.949.579.010	(2.180.504.460)
Tổng nợ phải trả hợp nhất	287.478.057.689	43.949.579.010	(2.180.504.460)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2019				
	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.037.194.660.961	132.405.493.184	(41.807.143.278)	1.127.793.010.867
Tổng tài sản hợp nhất	1.037.194.660.961	132.405.493.184	(41.807.143.278)	1.127.793.010.867
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	218.792.274.990	66.584.083.767	-	285.376.358.757
Tổng nợ phải trả hợp nhất	218.792.274.990	66.584.083.767	-	285.376.358.757
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Năm 2019				
	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	1.275.979.270.708	318.176.729.879	(27.881.807.450)	1.566.274.193.137
Doanh thu hoạt động tài chính	16.148.299.046	1.750.302.403	-	17.898.601.449
Chi phí SXKD	997.593.534.688	299.725.333.868	(27.879.287.020)	1.269.439.581.536
- Giá vốn hàng bán	868.251.596.671	284.528.871.324	(27.879.287.020)	1.124.901.180.975
- Chi phí tài chính	10.558.233.957	2.086.419.716	-	12.644.653.673
- Chi phí bán hàng	61.236.561.130	8.956.743.695	-	70.193.304.825
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.547.142.930	4.153.299.133	-	61.700.442.063
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	294.534.035.066	20.201.698.414	(2.520.430)	314.733.213.050
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	258.753.655	(389.567.961)	-	(130.814.306)
Lợi nhuận trước thuế	294.792.788.721	19.812.130.453	(2.520.430)	314.602.398.744
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018				
	Công ty mẹ tại TP.HCM	Công ty con tại Lào Cai	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	1.238.080.313.668	357.617.447.157	(7.671.214.841)	1.588.026.545.984
Doanh thu hoạt động tài chính	31.419.673.257	2.399.312.726	(6.802.833.492)	27.016.152.491
Chi phí SXKD	962.965.229.696	351.616.454.421	(7.671.214.841)	1.306.910.469.276
- Giá vốn hàng bán	847.368.591.381	324.832.954.525	(7.671.214.841)	1.164.530.331.065
- Chi phí tài chính	4.800.248.376	1.096.319.477	-	5.896.567.853
- Chi phí bán hàng	60.080.665.777	11.323.748.864	-	71.404.414.641

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.715.724.162	14.363.431.555	-	65.079.155.717
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	306.534.757.229	8.400.305.462	(6.802.833.492)	308.132.229.199
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	11.645.102.649	(1.239.778.376)	-	10.405.324.273
Lợi nhuận trước thuế	318.179.859.878	7.160.527.086	(6.802.833.492)	318.537.553.472

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản vay	204.228.524.781	97.197.845.827
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	154.417.016.880	169.936.186.689
Nợ thuần	49.811.507.901	(72.738.340.862)
Vốn chủ sở hữu	935.747.422.440	842.416.652.110
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	5,32%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.417.016.880	169.936.186.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.837.176.307	144.504.248.110
Các khoản đầu tư tài chính	80.000.000.000	230.000.000.000
Cộng	411.254.193.187	544.440.434.799

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công nợ tài chính		
Các khoản vay	204.228.524.781	97.197.845.827
Phải trả người bán và phải trả khác	23.059.107.758	87.219.781.320
Chi phí phải trả	5.511.331.464	3.301.363.909
Cộng	232.798.964.003	187.718.991.056

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	882.276.302	45.379.178.462	30.603.944.970	25.615.660.421
Euro (EUR)	-	4.032.787.725	4.506.802	23.356.476

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	23.059.107.758	-	23.059.107.758
Chi phí phải trả	5.511.331.464	-	5.511.331.464
Các khoản vay	92.268.046.969	111.960.477.812	204.228.524.781

01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	87.219.781.320	-	87.219.781.320
Chi phí phải trả	3.301.363.909	-	3.301.363.909
Các khoản vay	50.078.403.015	47.119.442.812	97.197.845.827

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.417.016.880	-	154.417.016.880
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.624.919.868	2.212.256.439	176.837.176.307
Các khoản đầu tư tài chính	80.000.000.000	-	80.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.936.186.689	-	169.936.186.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.031.116.122	2.473.131.988	144.504.248.110
Các khoản đầu tư tài chính	230.000.000.000	-	230.000.000.000

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) - Chi nhánh tại TP.HCM.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp

Lê Thanh Bình



Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình